

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

Tân Trụ, năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

Ngày ... tháng ... năm
SỞ TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG
TỈNH LONG AN
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
(Ký tên, đóng dấu)

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất.....	1
2. Căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất.....	1
3. Mục đích, yêu cầu và nhiệm vụ của việc lập kế hoạch.....	6
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	8
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên	8
1.2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	14
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường	31
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023.....	33
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	33
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	45
2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại huyện Tân Trụ	52
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	54
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	54
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	56
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	68
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	80
3.5. Diện tích đất cần thu hồi	80
3.6. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	81
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	82
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024	83
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	86
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	86
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	87
4.3. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	88
4.4. Các giải pháp khác	89
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	91

HỆ THỐNG BẢNG BIỂU

Bảng 01: Phân loại đất huyện Tân Trụ	11
Bảng 02: Dân số và mật độ dân số của huyện Tân Trụ	28
Bảng 03: Các công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch năm 2023	33
Bảng 04: Danh mục công trình, dự án đang thực hiện trong	35
kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Trụ	35
Bảng 05: Kết quả thực hiện kế hoạch	36
Bảng 06: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.....	44
Bảng 07: Kết quả thu hồi đất năm 2023.....	45
Bảng 08: Danh mục Công trình dự án chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	46
Bảng 09: Danh mục các công trình dự án chưa thực hiện hủy bỏ trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	51
Bảng 10: Chỉ tiêu phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.....	54
tại huyện Tân Trụ	54
Bảng 11: Danh mục các công trình dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sang năm kế hoạch 2024	58
Bảng 12: Danh mục các công trình dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024	63
Bảng 13: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 tại huyện Tân Trụ.....	66
Bảng 14: Dự kiến các khoản thu chi trong năm kế hoạch 2024	85

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đất đai là nguồn tài nguyên có hạn nhưng lại là điều kiện không thể thiếu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi Quốc gia. Hầu hết các ngành, các lĩnh vực đều có nhu cầu sử dụng đất đai. Tài nguyên đất có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bổ sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”; Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định “*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai*”.

Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch; là công cụ, biện pháp để Nhà nước quản lý, tổ chức sử dụng đất đai có hiệu quả; có ý nghĩa quan trọng vì đất đai là một trong những nguồn lực để phát triển, nhưng quỹ đất đai lại bị giới hạn trong khi các nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để cụ thể hóa quy hoạch, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện là một điểm mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An, cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Nhân dân huyện Tân Trụ tổ chức triển khai lập “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ, tỉnh Long An**”.

2. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Căn cứ pháp lý của công tác lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;
- Nghị quyết số 836/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Long An;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
- Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 30/12/2018 của Chính phủ về việc kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây và canh tác;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/07/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;
- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/06/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Thông tư 16/2016/TT-BTNMT ngày 01/07/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế, xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Long An của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An và huyện Tân Trụ nhiệm kỳ 2021-2025;

- Nghị Quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh Long An quy định chính sách hỗ trợ Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025;

- Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 18/08/2021 của HĐND tỉnh Long An về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025;

- Nghị Quyết 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Long An về việc điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Long An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết 13/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh về thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Long An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh Long An về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An;

- Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh Long An về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An.

- Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Long An ban hành Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An;

- Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành quy định nội dung đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Quyết định 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Long An sửa đổi Quyết định 10/2018/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định nội dung Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với Tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Quyết định số 9464/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Đề án thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/09/2021 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/07/2020 của UBND tỉnh;

- Quyết định 40/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 10/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hỗ trợ Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 bổ sung tại Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 và Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/09/2021 của UBND tỉnh Long An;

- Quyết định số 12111/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tân Trụ;

- Quyết định 12581/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Trụ;

- Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An;

2.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Trụ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;
- Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Tân Trụ;
- Dự thảo kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Long An;
- Hồ sơ Thống kê đất đai năm 2022 huyện Tân Trụ;
- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Trụ;
- Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2024 của huyện.

3. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NHIỆM VỤ CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH

3.1. Mục đích

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tân Trụ đáp ứng đủ yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện nói chung và các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai;
- Quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững;
- Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

3.2. Yêu cầu

- Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Trụ thời kỳ 2021-2030, quy hoạch tỉnh Long An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự thảo kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Long An;
- Kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo tính khả thi, tính khoa học, phù hợp với quy hoạch của tỉnh đã được phê duyệt, các chỉ tiêu được quy hoạch tỉnh phân khai, đảm bảo đất đai được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện, nhu cầu của thị trường, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển đồng bộ giữa các ngành, các lĩnh vực trong huyện.

- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, nội dung theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật số 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT.

3.3. Nhiệm vụ

- Điều tra, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Tân Trụ.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

+ Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

+ Phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

+ Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023;

+ Xây dựng các báo cáo chuyên đề, bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2023;

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ:

+ Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

+ Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện;

+ Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

+ Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án có sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất trong năm 2024;

+ Xác định diện tích cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm 2024;

+ Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2024;

+ Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ;

- + Lập hệ thống bản đồ, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ;
- + Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ;
- + Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Tân Trụ nằm phía Đông Nam tỉnh Long An, liền kề với Thành phố Tân An, được bao bọc bởi 2 sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 45 km.

- Phía Bắc giáp huyện Bến Lức;
- Phía Tây giáp huyện Thủ Thừa và thành phố Tân An;
- Phía Nam giáp huyện Châu Thành (giới hạn bởi sông Vàm Cỏ Tây);
- Phía Đông giáp huyện Cần Đước (giới hạn bởi sông Vàm Cỏ Đông);

Diện tích tự nhiên của huyện là 10.635,59 ha với 10 đơn vị hành chính gồm: thị trấn Tân Trụ, các xã: Đức Tân, Tân Bình, Bình Lăng, Bình Trinh Đông, Bình Tịnh, Lạc Tấn, Nhựt Ninh, Quê Mỹ Thạnh, Tân Phước Tây. Trong đó thị trấn Tân Trụ là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá của huyện.

Với vị trí thuận lợi, gần các đô thị lớn, có hệ thống giao thông khá phát triển với Tỉnh lộ 832, Tỉnh lộ 833 nằm liền kề thành phố Tân An, cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 45 km và nằm trong vành đai phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trên địa bàn của huyện có 2 sông chính chảy qua (*sông Vàm Cỏ Tây và sông Vàm Cỏ Đông*) có vai trò rất quan trọng về giao thông đường thủy. Vì vậy, huyện Tân Trụ có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Tân Trụ nằm trong khu vực thấp của tỉnh Long An, xung quanh bao bọc bởi sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, nên địa hình mang đặc điểm chung của vùng đồng bằng sông Cửu Long, địa hình khá bằng phẳng và hơi nghiêng về phía biển Đông.

Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam (cao độ trung bình so với mực nước biển $+0,85\text{ m}$, nơi cao nhất khoảng $+1,2\text{ m}$ và nơi thấp trũng là $+0,5\text{ m}$). Sông Nhựt Tảo nối với kênh Ông Hồng đã chia huyện thành hai khu vực có địa hình khác nhau: Vùng thượng có địa hình cao hơn và vùng hạ có địa hình thấp hơn.

- Vùng thượng có địa hình cao (độ cao $> 0,6\text{ m}$), có diện tích $4.295,34\text{ ha}$, chiếm $40,39\%$ diện tích tự nhiên toàn huyện. Gồm các xã: Tân Bình, Quê Mỹ Thạnh, Lạc Tấn, Bình Lăng.

- Vùng hạ có địa hình thấp (độ cao $< 0,6\text{ m}$), có diện tích $6.340,25\text{ ha}$, chiếm $59,61\%$ diện tích tự nhiên. Gồm các xã: Bình Tịnh, Bình Trinh Đông, Tân Phước Tây, Đức Tân, Nhựt Ninh, thị trấn Tân Trụ.

Với đặc điểm địa hình như trên, trong kế hoạch sử dụng đất cần bố trí sử dụng cho phù hợp với điều kiện ở từng khu vực.

1.1.1.3. Khí hậu

Huyện Tân Trụ nằm trong vùng chuyển tiếp khí hậu miền Đông Nam Bộ sang khí hậu đồng bằng sông Cửu Long thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nên nền nhiệt cao, khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều và chia thành 2 mùa rõ rệt, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến hết tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Mùa mưa ở Tân Trụ thường đến sớm hơn và chấm dứt sớm hơn các huyện phía Bắc của tỉnh Long An.

- Tổng lượng mưa trung bình khoảng 1.390 mm/năm , tập trung vào các tháng 6, 7, 8, 9 và 10 chiếm khoảng 90% lượng nước mưa (khoảng $1.500\text{ mm} - 1.600\text{ mm}$). Lượng mưa phân bố không đều trong năm: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 chiếm $85\% - 90\%$ lượng mưa cả năm, vào các tháng 7 và 8 thường xuất hiện hạn Bà Chằng (7-10 ngày, có khi kéo dài 13-14 ngày). Từ tháng 9 đến tháng 10 có lượng mưa lớn trùng với nước lũ từ Đồng Tháp Mười đổ về nên thường xảy ra ngập úng. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau lượng mưa thấp (tháng 11 là 63 mm , tháng 4 là 33 mm). Mưa ít nhất vào các tháng 2 và 3 vào thời điểm này hầu như không có mưa.

- Nhiệt độ trung bình năm là $27,1^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất từ $15^{\circ}\text{C} - 17^{\circ}\text{C}$ thường xảy ra vào tháng 12, nhiệt độ cao nhất là 32°C thường gặp vào tháng 3 - 4 hàng năm.

1.1.1.4. Thủy văn

Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt của huyện Tân Trụ nối liền với sông Vàm Cỏ Tây và sông Vàm Cỏ Đông thông qua các cống đầu mối thuộc hệ thống thủy lợi Nhựt Tảo đáp ứng yêu cầu tưới và tiêu nước quan trọng trong sản xuất cũng như phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của dân cư, gồm:

- Sông Vàm Cỏ Đông: Chảy dọc theo hướng từ phía Tây Bắc xuống Đông Nam và cũng là ranh giới hành chính tiếp giáp với huyện Bến Lức và huyện Cần Đức; Sông chảy qua địa phận các xã: Tân Bình, Bình Trinh Đông, Tân Phước Tây và Nhựt Ninh. Sông Vàm Cỏ Đông là sông lớn thượng nguồn ở biên giới Campuchia và Việt Nam (tại Tây Ninh), có tổng chiều dài 168 km, rộng 125 m - 200 m (bình quân 150 m), đoạn qua Tân Trụ dài 15,5 km; lưu lượng mùa kiệt 10 m³/s, lưu lượng mùa lũ là 580 m³/s (có năm lưu lượng đạt tới 900 m³/s).

- Sông Vàm Cỏ Tây: Chảy dọc theo hướng từ phía Tây Bắc xuống Đông Nam và cũng là ranh giới hành chính tiếp giáp với huyện Châu Thành; Sông Vàm Cỏ Tây là sông lớn bắt nguồn từ Svaviêng (Campuchia), chảy qua Việt Nam (tại Bình Tứ, gọi là sông Long Khốt) từ Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Thạnh Hóa, thành phố Tân An, Tân Trụ rồi nhập vào sông Vàm Cỏ Đông. Sông có tổng chiều dài 210 km, rộng 125 m - 200 m (bình quân 150 m), đoạn qua Tân Trụ dài 20 km, chảy qua địa bàn các xã: Bình Lăng, Bình Tịnh, thị trấn Tân Trụ, Đức Tân, rồi hợp nhất sông Vàm Cỏ Đông tại xã Nhựt Ninh; Lưu lượng mùa kiệt 93 m³/s, lưu lượng mùa lũ là 580 m³/s. Về mùa lũ sông Vàm Cỏ Tây là trục tiêu chính của toàn khu vực. Về mùa khô là trục dẫn nước do sông Tiền bổ sung qua kênh Hồng Ngự và rạch Cái Cỏ. Đồng thời, sông Tiền cũng là trục xâm nhập mặn vào khu vực này.

Hai sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây là hai trục thủy lộ chính. Hệ thống này kết hợp với hệ thống kênh rạch sông Cửu Long, sông Sài Gòn - Đồng Nai vừa hình thành mạng lưới giao thông đường thủy thuận lợi cho việc giao thương, vừa đảm bảo khả năng dẫn tải và tiêu nước cho huyện Tân Trụ và cả tỉnh Long An.

- Sông Nhựt Tảo: Là nhánh của sông Vàm Cỏ Đông, sông có chiều dài 4,8 km, rộng 32 m - 80 m, sâu 4 m - 8 m. Sông Nhựt Tảo là trục thủy lợi chính tưới tiêu và chi phối toàn bộ hệ thống tưới tiêu trên địa bàn huyện Tân Trụ, là trục tiêu úng, rửa phèn quan trọng cho toàn khu vực.

- Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có một mạng lưới kênh rạch khá dày (rạch Cai Tài, rạch ông Dặm, kênh ông Hổng, rạch Cây Sáo, rạch Đông Hiêm, rạch bà Tổng, rạch Thôn Thành nối liền với sông lớn). Hệ thống kênh rạch này gắn với hệ thống thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất của huyện.

- Hệ thống thủy lợi Nhựt Tảo - Tân Trụ là một trong những hệ thống thủy lợi lớn phía Nam của tỉnh Long An để ngăn mặn, trữ ngọt cho hơn 13.000 ha đất ở các huyện Tân Trụ, Bến Lức, Thủ Thừa và thành phố Tân An nằm giữa 2 con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Cổng đập thủy lợi Nhựt Tảo trên địa bàn huyện Tân Trụ là cổng đập chính điều tiết nước cho toàn hệ thống. Hệ thống thủy lợi Nhựt Tảo từng bước được đầu tư khép kín, dọc theo sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây đã được xây dựng hệ thống đê bao, cổng điều tiết nước khép kín trữ nước ngọt, đảm bảo ngăn mặn và triều cường xâm nhập vào nội đồng. Đây là hệ thống thủy lợi quan trọng của huyện Tân Trụ nói riêng và của tỉnh Long An nói chung.

1.1.2. Tài nguyên thiên nhiên

1.1.2.1. Tài nguyên đất

Toàn huyện Tân Trụ có 2 nhóm đất và 1 đơn vị đất liếp tương đương loại phát sinh.

Bảng 01: Phân loại đất huyện Tân Trụ

Tên đất		Ký	Diện tích	
Việt Nam	Tương đương WRB(*)	Hiệu	Ha	%
I/ ĐẤT PHÈN	THIONICFLUVISOLS		3.863	36,15
I.1 Đất phèn tiềm tàng (PTT)	Endo-Proto-ThionicFluvisols		3.706	34,68
1. Đất phèn tiềm tàng đất sâu	Gleyi-bathi- Proto-Thionic Gleysols	Sp3	1.608	15,05
2. Đất phèn tiềm tàng su	Endo-Proto-ThionicFluvisols	Sp2	1.256	11,75
3. Đất phèn tiềm tàng nông	Ephi-Proto-ThionicFluvisols	Sp1	842	7,88
I.2 Đất phèn hoạt động (PHĐ)	Proto-Orthi-Thionic Gleysols		157	1,47
4. Đất PHĐ nặng	hyper-Orthi-Thionic Gleysols	Sj-W	71	0,66
5. Đất PHĐ nhẹ	Hypo-Orthi-Thionic Gleysols	Sj-L	44	0,41
6. Đất PHĐ trung bình	Gleyi -	Sj-M	42	0,39

Tên đất		Ký	Diện tích	
Việt Nam	Tương đương WRB(*)	Hiệu	Ha	%
	EndoprotothionicFluvisols			
II/ ĐẤT PHÙ SA	FLUVISOLS		5.034	47,1
7. Đất phù sa đã phát triển	Eutri- Gleyic/Luvisols	Pg-e	360	3,37
8. Đất phù sa đang phát triển	Pystric- Gleyic/Luvisols	Pg-d	798	7,47
9. Đất phù sa phát triển điển hình	Haplic- Gleyic/Luvisols	Pg-T	3.876	36,27
III/ ĐẤT LIẾP	ANTYROSOLS	T	1.095	10,25
IV/ SÔNG, RẠCH			781	7,31
TỔNG DIỆN TÍCH			10.687	100

1.1.2.2. Tài nguyên nước

Tài nguyên nước của huyện Tân Trụ được cung cấp chủ yếu bởi 2 nguồn chính là nước mặt và nước ngầm.

- *Nước mặt*: Là nguồn nước chính được cung cấp từ sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây thông qua kênh mương dày đặc nên tiềm năng nước ngọt bề mặt tương đối lớn và chất lượng nước khá tốt góp phần tích cực trong việc cung cấp nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện.

Chế độ nước của hệ thống sông chia theo 2 mùa rõ rệt là mùa mưa lũ và mùa cạn phân lưu của chúng cùng với kênh mương thủy lợi các cấp ở nội đồng, các công trình đầu mối cơ bản đáp ứng được nước tưới cho sản xuất nông nghiệp. Mùa lũ nguồn nước phù sa được khai thác triệt để làm giàu thêm độ phì nhiêu đất đai. Tuy nhiên mùa khô nước mặn lấn sâu vào nội địa cộng với quy trình thối chua, bốc mặn bởi mạch nước ngầm gây nhiễm mặn nhiều diện tích đất đai. Vì vậy, cần có các giải pháp khắc phục tình trạng trên, như: ém phèn, rửa mặn, đầu tư khép kín và phát triển các tuyến đê, cống đầu mối nhằm ngăn mặn, triều cường và phục vụ điều tiết nước trong sản xuất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm nguồn nước mặt...

- *Nước ngầm*: Đặc điểm nổi bật về thủy văn nước ngầm trong khu vực huyện là các tầng chứa nước nông có chất lượng trung bình và kém, hầu như bị nhiễm mặn phèn, không sử dụng trực tiếp được; các tầng ở độ sâu 280 m - 320 m có chất lượng nước trung bình và tốt có thể cung cấp cho sinh hoạt. Nhưng lại

có vài hạn chế nhất định về mặt kỹ thuật, vật tư thiết bị khai thác và nguồn vốn đầu tư ban đầu. Trong tương lai, cần có các biện pháp đầu tư và khai thác hợp lý để đảm bảo cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân trong vùng.

1.1.2.3. Tài nguyên thủy sản

Những năm gần đây, nông dân huyện Tân Trụ đã mạnh dạn chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang các mô hình canh tác hiệu quả cao hơn. Trong đó cây thanh long và con tôm là 2 đối tượng được người dân ưu tiên lựa chọn. Toàn huyện có trên 1.000 ha đất trồng lúa kém hiệu quả được chuyển sang trồng thanh long và nuôi tôm. Hiện nay, lợi nhuận từ cây thanh long và con tôm mang lại rất cao: Thanh long trung bình 255 triệu đồng/ha/năm, cao gấp 5 lần lúa; tôm trên 170 triệu đồng/ha/vụ, trung bình mỗi năm 1-2 vụ. Để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hiệu quả, thời gian qua, huyện thực hiện chính sách hỗ trợ ao lãng trong nuôi tôm; thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; mở các lớp tập huấn về kỹ thuật nuôi tôm và trồng thanh long theo hướng VietGAP; mô hình tưới tiết kiệm trên cây thanh long. Thời gian tới, UBND huyện Tân Trụ sẽ phối hợp các xã nắm lại những diện tích đã chuyển đổi và có nhu cầu chuyển đổi, đồng thời xây dựng các phương án như hỗ trợ xây dựng tổ hợp tác, hướng dẫn kỹ thuật nuôi và định hướng người dân sản xuất theo hướng VietGAP để bảo đảm các tiêu chuẩn đầu ra.

Lũy kế đến nay toàn huyện có 333,28 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản, chiếm 3,13% diện tích đất tự nhiên trên địa bàn huyện.

1.1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Được bao bọc bởi sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây với nhiều di tích lịch sử đã được công nhận như di tích lịch sử "Vàm Nhựt Tảo" thuộc xã Tân Bình, di tích lịch sử "Khu Vực Miếu Ông Bàn Qùy" thuộc Ấp Nhựt Long, xã Nhựt Ninh, di tích lịch sử "Đám lá tối trời" thuộc Ấp Thuận Lợi, Xã Nhựt Ninh, di tích lịch sử "Khu vực chợ Mỹ Bình" thuộc ấp Bình Đông, xã Tân Bình, cụm di tích lịch sử "Chùa ông - Đình thần Nhựt Tảo" thuộc xã Tân Bình, di tích lịch sử "Khu vực Cống Bân" thuộc Ấp Bình Thạnh, Xã Bình Tịnh... Đây là những lợi thế để huyện Tân Trụ có thể phát triển các loại hình du lịch tìm hiểu sông nước và các giá trị lịch sử.

Tân Trụ là vùng đất có truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước và

cách mạng. Nhân dân trong huyện có tinh thần đoàn kết yêu quê hương, có đức tính cần cù, chăm chỉ, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn để vững bước đi lên. Đó là những nhân tố cơ bản và sức mạnh tinh thần để hướng tới sự phát triển kinh tế xã hội, trong xu hướng hội nhập với cả nước, khu vực và quốc tế, thuận lợi để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong huyện vững bước đi lên trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá xây dựng huyện giàu, đẹp, văn minh.

1.1.2.5. Đánh giá tác động của điều kiện tự nhiên đến chất lượng, tiềm năng đất đai

- Về vị trí địa lý: Trên địa bàn huyện Tân Trụ có 2 sông lớn (Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây), đây vừa là điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế xã hội tuy nhiên cũng là yếu tố có tác động đến chất lượng đất, nhất là trong những năm gần đây tác động của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, thủy triều dâng cao đưa mặn xâm nhập vào sâu trong nội đồng, làm thay đổi chất lượng nước theo hướng gia tăng độ mặn, diện tích đất mặn hóa ngày càng gia tăng.

- Về địa hình: Tuy là tỉnh đồng bằng, nhưng trong phạm vi địa giới hành chính huyện cũng xuất hiện một số gò nâng cao hơn, đồng thời cũng có những khu vực bồn trũng xen kẽ. Sự phân biệt về cao độ dẫn đến sự khác nhau về chế độ nước và cấu thành bề mặt địa mạo, tạo ra các dạng bề mặt bóc mòn hay tích tụ, là nguyên nhân dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng đất trên địa bàn huyện.

- Về khí hậu: Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu, cận xích đạo cho nên huyện Tân Trụ có nền nhiệt trung bình hàng tháng khá cao và tương đối ổn định; tương ứng với nhiệt độ, tổng tích ôn cũng ở mức cao. Tác động của điều kiện khí hậu đối với sự hình thành và phát triển đất, chất lượng trên địa bàn huyện là tình trạng bốc thoát hơi nước cao hơn, nhất là đối với khu vực đất giồng cát, đây là loại đất có hệ số thấm lớn và phân bố ở địa hình cao hứng gió nên bốc thoát hơi nước khá nhanh. Đối với đất phèn và đất mặn, sự khô hạn trong mùa khô đã làm đất mất cân bằng nước nghiêm trọng, thúc đẩy quá trình oxy hóa tầng phèn và mao dẫn muối từ tầng sâu nên tầng mặt. Mặt khác, gió chướng cũng là một trong những nguyên nhân gây ra nước biển dâng cao và đẩy mạnh triều biển vào sâu trong nội đồng. Vận tốc gió đạt cao nhất trong tháng 2 và 3 (5 - 8 m/s) và thường mạnh vào buổi chiều, vì vậy sự xuất hiện các đỉnh mặn do gió chướng đã tác động đến tình trạng nhiễm mặn trong đất, đồng thời đã làm cho việc sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp không ổn định trong thời gian này.

- Thảm thực vật: Là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thoái hóa đất của huyện. Nhìn chung, trên địa bàn huyện chủ yếu là các loại hình canh tác lúa nước, lúa - màu và lúa - thủy sản là cơ bản phù hợp với điều kiện địa hình và nguồn nước, ngoài ra thảm thực vật còn có ý nghĩa rất lớn trong bảo vệ đất. Vì canh tác nước là giữ ẩm cho mặt đất và giữ mực nước ngầm nông trong đất. Trong điều kiện khí hậu khô nóng và đất có phèn, việc giữ ẩm cho mặt đất và giữ mực nước ngầm nông sẽ ngăn ngừa hoặc hạn chế các quá trình phân giải và khoáng hóa các hợp chất hữu cơ trong đất; rửa phèn, ém phèn, đồng thời hạn chế quá trình phèn hóa đất.

1.2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a. Nông nghiệp

Chỉ đạo, điều hành sản xuất nông nghiệp có sự tập trung; tổng sản lượng lúa đến nay đạt 59.578 tấn, trong đó lúa chất lượng cao 32.598 tấn. Chủ động thực hiện tốt việc ngăn mặn, tích trữ nước ngọt phục vụ sản xuất; hoạt động nuôi trồng thủy sản, rau màu tiếp tục phát huy hiệu quả, người trồng có lãi:

+ **Lúa:** diện tích gieo sạ năm 2023 là 14.841 ha (vụ Đông Xuân 2022 - 2023 là 5.129 ha; vụ Hè Thu năm 2023 là 5.172 ha; vụ Thu Đông năm 2023 là 4.540 ha), năng suất bình quân đạt 56,7 tạ/ha, giá bán bình quân 9.275 đồng/kg, lãi bình quân 28,8 triệu đồng/ha (tăng 58,2% so với cùng kỳ năm 2022).

+ **Dưa hấu:** diện tích gieo trồng là 292,9 ha, năng suất đạt 169,8 tạ/ha, sản lượng 4.976 tấn, giá bán bình quân 10.800 đồng/kg, lãi bình quân 91,2 triệu đồng/ha (tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2022).

+ **Rau màu:** diện tích gieo trồng là 343 ha, năng suất đạt 168,8 tạ/ha, sản lượng 5.790 tấn, giá bán bình quân 10.500 đồng/kg, lãi bình quân 90,7 triệu đồng/ha (tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2022).

Riêng diện tích thanh long giảm do giá đầu ra không ổn định dẫn đến một số diện tích đã bị phá bỏ (đến nay còn 362,5 ha, trong đó diện tích cho trái 358,7 ha; diện tích trồng mới 3,8 ha).

- Chủ động triển khai các giải pháp kiểm soát dịch bệnh trong chăn nuôi, kiểm tra giết mổ, mua bán sản phẩm gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ, bệnh trên thủy sản (tôm) có phát sinh nhưng được xử lý kịp thời, không xảy ra dịch.

+ **Gia súc - Gia cầm:** Tổng đàn heo 12.840 con; gà 237.836 con; vịt 222.153 con; bò 5.294 con trong đó bò sữa là 490 con. Giá một số loại gia súc - gia cầm trên địa bàn huyện trong năm ổn định: Heo thịt 5,1- 5,7 triệu đồng/01 tạ hơi; giá gà thịt: 56.000 - 78.000 đồng/kg; giá vịt thịt: 50.000 - 60.000 đồng/kg.

+ **Thủy sản:** Diện tích thả nuôi 412 ha, thu hoạch 1.016 tấn; Giá bán tôm thẻ từ 105.000 - 110.000 đồng/kg loại 30 - 40 con/kg; tôm sú từ 160.000 - 195.000 đồng/kg loại 30 - 40 con/kg. Trong năm trên địa bàn huyện có 6,0 ha tôm thẻ bị bệnh đốm trắng.

Hướng dẫn nông dân thực hiện các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao trên cây thanh long, con bò và con tôm. Thực hiện 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao trên cây thanh long với diện tích 10 ha tại Hợp tác xã thanh long Bình Tịnh (*vốn huyện*) năm thứ hai; 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao trên cây thanh long với diện tích 10 ha tại Hợp tác xã thanh long Quê Mỹ Thạnh (*vốn tỉnh*) năm thứ hai; nhân rộng 04 mô hình thanh long tại xã Đức Tân và Quê Mỹ Thạnh (*mỗi xã 02 mô hình, mỗi mô hình 10 ha*) (*vốn huyện*) năm thứ nhất, đến nay trên địa bàn huyện có 132 ha trồng thanh long ứng dụng công nghệ cao (*trước nước tiết kiệm, sử dụng phân hữu cơ, sử dụng đèn xông ra hoa trái vụ...*). Thực hiện hỗ trợ cải tạo nâng cao chất lượng 10 con bò cái sinh sản (*xã Tân Bình*); gieo tinh nhân tạo được 552 liều tinh bò giống chất lượng cao trên toàn huyện (*vốn huyện*). Thực hiện 08 điểm nhân rộng nuôi tôm công nghệ cao tại xã Nhựt Ninh (*05 điểm*), Đức Tân (*03 điểm*), mỗi điểm 0,5 ha.

Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị tỉnh phúc tra công nhận xã Lạc Tấn và xã Tân Bình đạt nông thôn mới nâng cao. Tổ chức đánh giá, xếp hạng các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện (*UBND huyện công nhận đạt 3 sao sản phẩm Mắm ruốc ở xã Nhựt Ninh, Mứt gừng Ánh Lan Huỳnh xã Lạc Tấn; đề nghị tỉnh công nhận 4 sao đối với sản phẩm Trống lân xã Bình Lăng*). Phối hợp Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ tỉnh chuyển giao ứng dụng đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “*Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ ứng dụng công nghệ 4.0 tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An*” cho nông dân ở 03 xã Nhựt Ninh, Đức Tân và Tân Phước Tây.

Phối hợp Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An đảm bảo việc cung cấp nước sạch sinh hoạt cho người dân và xây dựng kế hoạch mở rộng mạng

lưới cấp nước trên địa bàn huyện. Triển khai thi công các công trình thủy lợi nội đồng năm 2023 theo kế hoạch (*hiện đã hoàn thành 09/09 công trình*). Đề xuất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh danh mục các công trình cần đầu tư để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện trong thời gian tới. (*Tuyến ống xiphông dẫn nước từ rạch Chanh về rạch Cây Gáo cấp nước cho hệ thống thủy lợi Nhật Tảo - Tân Trụ; Xây dựng bờ kè chống sạt lở sông Vàm Cỏ Tây thuộc địa bàn thị trấn Tân Trụ với chiều dài khoảng 1,1 km (đoạn bến phà Bình Tịnh); Kiên cố hóa bê tông mặt đê bao ven sông Vàm Cỏ Tây và Vàm Cỏ Đông với tổng chiều dài 22,710 km*).

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển; các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, công tác khuyến công, tư vấn phát triển công nghiệp và thỏa thuận địa điểm, thu hút đầu tư được tập trung triển khai.

- Dự án Khu Công nghiệp An Nhứt Tân hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng bàn giao nhà đầu tư (*thực hiện cưỡng chế đối với các hộ không bàn giao mặt bằng*).

- Cụm công nghiệp Tân Bình 1 và Tân Bình 2 trên địa bàn xã Tân Bình đã được UBND tỉnh Long An đưa vào danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Dự án Khu dân cư chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Tân Trụ 2 đã giải phóng mặt bằng khoảng 4,2/4,5 ha, chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục để được giao đất theo quy định pháp luật.

- Công trình Các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Lức đang đẩy nhanh tiến độ thi công Khu dân cư chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Tân Trụ 2: Có 33/36 hộ dân đã bàn giao đất (*trong đó: 28 hộ đồng ý nhận tiền; thực hiện công tác cưỡng chế thu hồi đất đối với 05 hộ (hiện có 02 hộ đã nhận tiền; 03 hộ chưa đồng ý nhận tiền); còn 03 hộ (có nhà ở trên đất) chưa đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng với diện tích 2.889,2 m²; tiền các hộ chưa nhận đang gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Tân Trụ*).

- Công trình Các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV Bến Lức: đã chi trả được 27/35 hộ (*trong đó có 05 móng trụ số 10, số 11, số 12, 92A và trụ 93*) với tổng số tiền 3.773.498.000 đồng; còn 08 hộ chưa đồng ý nhận với số tiền 2.222.837.000 đồng.

- Khu tái định cư Mỹ Kim Long: đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ được 32/74 hộ với số tiền 53.196.778.000 đồng, diện tích 3,44 ha; còn 42 hộ chưa nhận tiền với tổng số tiền 78.799.695.000 đồng, diện tích 6,42 ha.

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển. Hoàn thành công tác bàn giao mặt bằng Khu công nghiệp An Nhứt Tân cho chủ đầu tư. Tiếp tục vận động và hoàn thiện hồ sơ thực hiện công tác cưỡng chế thu hồi đất ở một số dự án theo quy định pháp luật.

c. Thương mại, dịch vụ

Thương mại, dịch vụ hoạt động ổn định và duy trì phát triển. Hoàn thành xây dựng Chợ Lạc Tấn và di dời, sắp xếp các tiểu thương vào chợ Lạc Tấn mới buôn bán; bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư tiếp tục triển khai dự án (*giai đoạn 2*). Các chợ, các siêu thị điện máy, cửa hàng tiện ích, cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động ổn định, phục vụ tốt nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của người dân. Công tác kiểm tra thị trường, chống buôn lậu và gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả kém chất lượng, phòng chống cháy nổ, điện, nước sinh hoạt được thực hiện thường xuyên. Phối hợp Cục Quản lý thị trường tỉnh thực hiện kiểm tra trực tiếp đối với các cơ sở về kinh doanh bách hóa, tổng hợp, đồ điện tử gia dụng, bánh, mứt... qua kiểm tra xử phạt VPHC 31 trường hợp do không niêm yết giá với số tiền 85.750.000 đồng; Lực lượng 389 huyện phối hợp kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời hành vi nhập lậu thuốc lá: phạt tiền 600 triệu đồng, tịch thu 2.900 bao thuốc lá, khởi tố 02 bị can. Phối hợp Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra chất lượng tại 02 cửa hàng xăng dầu và 02 tiệm vàng, qua kiểm tra các cơ sở đều đạt yêu cầu. Ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực điện lực 03 trường hợp với tổng số tiền 21,5 triệu đồng.

Công tác chỉnh trang đô thị, khu dân cư, các tuyến đường trên địa bàn huyện tiếp tục được tăng cường. Công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng giao thông đường bộ, bến khách ngang sông theo phân cấp được đảm bảo. Đề nghị Sở Giao thông Vận tải tỉnh Long An hỗ trợ lắp đặt hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại vị trí ngã tư giao giữa ĐT.832 với đường Cao Thị Mai và vị trí nút giao giữa ĐT.832 với ĐT.833D (*ngã tư An Lái*); bố trí cống thoát nước trên các tuyến đường tỉnh. Công bố lại hoạt động bến khách ngang sông Nhứt Ninh - Thuận Mỹ, Giếng Mịch, Thâm Nhiên. Khảo sát, lắp đặt biển báo giao thông ở các đường huyện. Thống nhất chủ trương miễn, giảm mức khoán thu hàng tháng tại bến khách ngang sông Kỳ Sơn - Bình Quới và bến khách ngang sông thị trấn

Tân Trụ - Phú Ngãi Trị do dịch Covid-19 năm 2021 với tổng số tiền: 1.291.572.000 đồng.

Phối hợp Sở, ngành tỉnh khảo sát, hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh; thực hiện đăng ký truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa cho các hợp tác xã và cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Hỗ trợ thiết bị cho hộ kinh doanh bánh mứt Vạn Long (*máy hàn hút chân không thổi khí, máy trộn, máy chà bột*) với kinh phí 112 triệu đồng (*trong đó, ngân sách 55,5 triệu đồng và đối ứng của cơ sở 56,5 triệu đồng*). Thực hiện đăng ký truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa cho 03 hợp tác xã, 02 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh.

d. Quy hoạch, đầu tư phát triển

Nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị và các xã có sự tập trung, 09/09 xã đã được phê duyệt quy hoạch, thị trấn Tân Trụ đang trình phê duyệt đồ án quy hoạch chung. Các công trình đầu tư công năm 2023 được tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhất là công trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ huyện (*đường đê ven sông Vàm Cỏ Tây: đã hoàn thành giai đoạn 1; giai đoạn 2 đang đẩy nhanh tiến độ thi công, tiến độ thực hiện đến nay đạt 88,99% khối lượng của năm 2023; giai đoạn 3 đang phối hợp thành phố Tân An thực hiện khảo sát dự kiến sơ bộ phương án thiết kế*); các công trình thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/HU của Huyện ủy được tập trung vận động vốn đối ứng.

*** Công trình trọng điểm thực hiện NQ Đại hội Đảng bộ huyện:** Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong: đang lu lèn nền cát để nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công lớp móng cấp phối sỏi đỏ; thi công hoàn thành 7 công, gồm: Công số 1, 2, 3, 4, 5, công 6 Đúng và công Bà Mum; đang thi công 03 công: công Ông Hổng, công Thanh Phong và công Bình An.

*** Tiến độ triển khai một số công trình:** Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Mỹ (từ ĐT833 đến đường Cao Thị Mai) (vốn 2 năm 2023, 2024): đã thi công đào, trải vải địa kỹ thuật và đắp cát, đang thi công lu lèn nền cát (*đạt 30% khối lượng của năm 2023*). Xây dựng Cầu Dừa: đang thi công móng, trụ cầu (*đạt 63,33% khối lượng*). Trung tâm hành chính công huyện (công trình chuyển tiếp): đang thi công khung nhôm vách kính, thiết bị điện và sơn tường ngoài (*đạt 71,67% khối lượng*). Hàng rào UBND huyện: chuẩn bị nghiệm thu hoàn thành công trình (*đạt*

90,0% khối lượng). Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Huyện ủy: đang chỉnh sửa phun PU cửa gỗ nhà khách, chà nhám, sơn nước tường ngoài nhà làm việc (đạt 41,67% khối lượng). Xây dựng 3 phòng học, cổng, hàng rào Trường TH Võ Văn Mùi: chuẩn bị nghiệm thu hoàn thành công trình (đạt 91,43% khối lượng)...

*** Công trình thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/HU của Huyện ủy:**

+ Mở rộng đường bê tông Lê Văn Tánh, xã Tân Bình: công trình hoàn thành, đang lập hồ sơ kiểm toán độc lập; vận động được 893/1.027 triệu đồng, đạt 86,95% (Nhân dân: 693 triệu đồng; Mạnh thường quân: 200 triệu đồng).

+ Nâng cấp, mở rộng, láng nhựa đường Nguyễn Thị Lầu giai đoạn 2, xã Quê Mỹ Thạnh: đang lu bảo dưỡng công trình; vận động 1.960/1.960 triệu đồng, đạt 100% (Nhân dân: 1.264 triệu đồng; Mạnh thường quân: 696 triệu đồng). Giai đoạn 3, xã Quê Mỹ Thạnh (dự kiến tháng 12/2023 khởi công): đang đấu thầu; vận động 965/1.340 triệu đồng, đạt 72,01% (Nhân dân: 665 triệu đồng; Mạnh thường quân: 300 triệu đồng).

+ Nâng cấp, mở rộng đường kênh Bảy Hoàng, xã Lạc Tấn: chuẩn bị thi công đổ bê tông; vận động được 756,5/954 triệu đồng, đạt 79,3% (Nhân dân: 331,5 triệu đồng; Mạnh thường quân: 425 triệu đồng).

+ Đường Nguyễn Văn Trung (giai đoạn 1), xã Bình Tịnh: đang thi công đổ bê tông được 450/1.000 m; vận động được 1.019/1.104 triệu đồng, đạt 92,3% (Nhân dân: 649 triệu đồng; Mạnh thường quân: 370 triệu đồng).

+ Nâng cấp, mở rộng, đường Cầu Dừa, xã Đức Tân: đang thi công đổ đá 0x4 đạt 500/936 m; vận động được 933/1.160 triệu đồng, đạt 80,43% (Nhân dân: 232 triệu đồng; Mạnh thường quân: 701 triệu đồng).

+ Nâng cấp và mở rộng đường Cầu Đình (đoạn 1), xã Nhựt Ninh: đang nghiệm thu độ chặt nền đá; vận động được 952/1.160 triệu đồng, đạt 82,07% (Nhân dân: 25 triệu đồng; Mạnh thường quân: 927 triệu đồng).

+ Bê tông đường Phạm Công Thượng, xã Bình Trinh Đông: chuẩn bị đổ bê tông; vận động 1.017/1.114 triệu đồng, đạt 91,29% (Nhân dân: 248 triệu đồng; Mạnh thường quân: 769 triệu đồng).

+ Đường giao thông khu vực Tư Cứng - khu phố Bình Lợi, thị trấn Tân Trụ: thi công xong lớp cấp phối đá 0x4; vận động vốn dân được 655/1.160 triệu đồng, đạt 56,55% (Nhân dân: 472 triệu đồng; Mạnh thường quân: 183 triệu đồng).

+ *Bê tông đường khu vực nhà Bảy Bên, thị trấn Tân Trụ*: thi công xong đổ bê tông; vận động vốn dân được 118,5/190 triệu đồng, đạt 62,37% (*Nhân dân: 113,5 triệu đồng; Mạnh thường quân: 5,0 triệu đồng*).

Tiếp tục tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ trật tự xây dựng nhà ở và công trình trên địa bàn. Thống nhất việc xây dựng hạng mục chánh điện, giảng đường và nhà ăn của Chùa Phước Đức; xây dựng hàng rào, nhà xe của Trạm Y tế thị trấn Tân Trụ; kiểm tra hạ tầng dự án Chỉnh trang đô thị thị trấn Tân Trụ (*khu đất Bệnh viện Nguyễn Văn Tuyên cũ*). Cấp 54 giấy phép xây dựng với tổng diện tích 10.856,13 m². Ban hành 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn xã Tân Bình với số tiền 65 triệu đồng.

Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng theo quy định. Điều chỉnh lộ trình đầu tư xây dựng Trụ sở Công an, Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự các xã còn lại trên địa bàn huyện giai đoạn 2023 - 2025.

e. Lĩnh vực tài chính

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Thu ngân sách là 179,764 tỷ đồng, đạt 102,05% dự toán (*ước đến cuối năm thu 198,462 tỷ đồng, đạt 112,67% so dự toán*); thu cân đối 54,892 tỷ đồng, đạt 64,24% (*trong đó cấp huyện 43,865 tỷ đồng, đạt 61,27%; cấp xã 11,027 tỷ đồng, đạt 79,55%*). Chi ngân sách đúng luật, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; đến nay chi 372,194 tỷ đồng, chiếm 96,80% dự toán. Giải ngân vốn đầu tư công: Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2023 của huyện là 219,821 tỷ đồng, khối lượng thực hiện 168,409 tỷ đồng, đạt 76,61%, đã giải ngân 143,311 tỷ đồng, đạt 65,19%. Vốn tỉnh là 15,770 tỷ đồng, khối lượng thực hiện 15,770 tỷ đồng, đạt 100%, giải ngân 14,736 tỷ đồng, đạt 93,45%; vốn huyện là 204,051 tỷ đồng, khối lượng thực hiện 152,639 tỷ đồng, đạt 74,80%, giải ngân 128,575 tỷ đồng, đạt 63,01%.

Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: giai đoạn 2 lũy kế thu 860/1.396 trường hợp, đạt 59,55% so tổng số tiền phải thu hồi; giai đoạn 1 lũy kế 185/392 trường hợp, đạt 46,32% so tổng số tiền phải thu hồi. Trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh vào mục đích cho thuê mặt bằng làm 02 sân bóng đá mini; chủ trương thanh lý tài sản Nhà văn hóa Khu phố Bình Lợi, thị trấn Tân Trụ để bàn giao mặt bằng cho Sở Y tế tỉnh xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Trụ. Ban hành Phương án thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức,

đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của huyện. Bổ sung kinh phí đảm bảo hoạt động cho các đơn vị theo đúng quy định. Bổ sung kinh phí cho các đơn vị: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa và Thông tin, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Ban Chỉ huy Quân sự, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tư pháp, Văn phòng Huyện ủy, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ, Công an huyện, Chi cục Thống kê, Hội Nông dân, Huyện đoàn, Hội LHPN Việt Nam huyện và UBND xã, thị trấn với tổng số tiền 16,468 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ.

Kinh tế tập thể tiếp tục được quan tâm, nhất là việc củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác (*hiện nay trên địa bàn huyện có 12 Hợp tác xã và 40 Tổ hợp tác*). Hệ thống ngân hàng và các quỹ tín dụng nhân dân mở rộng các hình thức và đối tượng cho vay, *góp phần tích cực trong việc huy động nguồn vốn nhàn rỗi và giải quyết nguồn vốn vay phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của Nhân dân*.

f. Quản lý đất đai - môi trường

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, cập nhật chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính được quan tâm thực hiện tốt. Cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu địa chính cho 12.866 hồ sơ với 18.500 thửa đất. Giải quyết 4.523 hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất 3.700 hồ sơ; cấp giấy chứng nhận lần đầu 156 hồ sơ; chuyển mục đích sử dụng đất 541 quyết định, diện tích 12,92 ha. Ban hành Quyết định thu hồi đất tại 86 tuyến đường đối với các hộ dân dân hiến đất nâng cấp, mở rộng đường (*với 2.453 thửa đất*).

Công tác kiểm tra việc sử dụng đất được thực hiện thường xuyên, hạn chế được tình trạng chuyển mục đích sử dụng đất, hạ mặt bằng trái phép. Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2022; công tác đo đạc chỉnh lý biến động đất đai năm 2023; thực hiện cơ bản hoàn thành việc thu hồi đất của 86 tuyến giao thông, thủy lợi thuộc Dự án chỉnh lý biến động đất đai năm 2022; công bố công khai quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện và khẩn trương thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Phê duyệt Phương án và ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân bị ảnh hưởng tài sản trên đất để thực hiện các công trình trên địa bàn huyện

theo quy định. Dự án Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong (bồi thường, hỗ trợ đối với 01 hộ dân với số tiền 1.279.744.804 đồng); Công trình Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Mỹ (từ DT.833 đến đường Cao Thị Mai) (bồi thường, hỗ trợ đối với 03 hộ dân và 01 tổ chức với số tiền 123.826.000 đồng). Công trình Giải phóng mặt bằng khu vực Ngã 4 Lạc Tấn: đã tổ chức vận động được 08/08 hộ bị ảnh hưởng bởi dự án, kết quả có 06 hộ đồng ý; đã chi trả bồi thường 03; còn 02 hộ: bà Tư đồng ý đơn giá bồi thường đất nhưng đề nghị bồi thường hết nhà ở, ông Hiếu không đồng ý đơn giá bồi thường đất đề nghị bồi thường bằng đất có vị trí tiếp giáp phía sau với thửa đất bị thu hồi.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, đã bàn giao 3.600 bao chứa đựng rác thuộc bảo vệ thực vật cho 02 xã Tân Bình, Lạc Tấn để thí điểm mô hình thu gom rác thuộc bảo vệ thực vật bằng bao chứa (bao tráng PE) thay cho hồ thu gom,... Kiểm tra, giám sát chặt chẽ và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về công tác bảo vệ môi trường. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH đầu tư xây dựng vận tải Việt Hoàng (Kho thanh long Gia Hội) với tổng số tiền 800.000.000 đồng. Xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực đất đai 01 trường hợp với số tiền 12.500.000 đồng.

Cấp giấy phép môi trường cho Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Galaxy tại dự án Chinh trang đô thị Lạc Tấn, diện tích 6.983,9 m².

1.2.2. Điều kiện cơ sở hạ tầng, xã hội

a. Giao thông

Huyện Tân Trụ có vị trí khá thuận lợi, cách Thành phố Tân An 15 km về phía Tây, cách thành phố Hồ Chí Minh 45 km về phía Bắc. Từ trung tâm huyện có đường ô tô nối với Quốc lộ 1A và Quốc lộ 50. Sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây bao bọc hai bên, thuận tiện cả về giao thông thủy bộ.

Huyện Tân Trụ xác định, phát triển hạ tầng GTNT là một trong những yếu tố quan trọng, không chỉ là “đòn bẩy” thúc đẩy sự phát triển KT-XH mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân ở địa phương. Vì vậy, những năm qua, huyện tập trung nhựa hóa, bê tông hóa các tuyến đường GTNT kết nối với các trục liên xã. Việc triển khai, thực hiện Đề án bê tông hóa GTNT theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” được người dân địa

phương đồng thuận cao và tích cực tham gia, mang lại nhiều kết quả. Đến nay, hầu hết tuyến đường liên xóm, ấp trên địa bàn huyện đều được bê tông hóa.

Xác định phát triển hạ tầng giao thông là khâu đột phá, huyện Tân Trụ đẩy mạnh nhựa hóa, bê tông hóa giao thông nông thôn trên toàn huyện theo tiêu chí nông thôn mới. Toàn huyện Tân Trụ hiện có 19 tuyến đường do huyện quản lý với tổng chiều dài 42,3 km. Trong đó, trên 40 km được nhựa hoá đạt tỷ lệ 95%. Các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn thiết kế tối thiểu là đường cấp IV đồng bằng cả về bề rộng mặt đường và vận tốc thiết kế, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện và kết nối đến trung tâm hành chính của tất cả các xã trên địa bàn.

Cùng với hệ thống giao thông đường bộ, huyện Tân Trụ có 02 tuyến đường thủy nội địa Quốc gia sông Vàm Cỏ Tây và sông Vàm Cỏ Đông đã được lắp đặt đầy đủ hệ thống báo hiệu, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông với 9 bến thủy nội địa, phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá. Hàng năm, huyện Tân Trụ tổ chức kiểm tra hoạt động của các bến thủy nội địa và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm.

b. Thủy lợi

Nguồn nước tưới được cung cấp thường xuyên bởi 2 con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn nhiều nhánh sông như: Sông Nhật Tảo, sông Tân Trụ...

Hệ thống thủy lợi Nhật Tảo cơ bản khép kín thông qua việc thi công các công đầu mối (sông rạch thông ra Sông vàm Cỏ Đông và vàm Cỏ Tây) và đê bao ven sông. Hiện nay ngăn được lũ và triều cường, chống được mặn xâm nhập vào nội đồng, chủ động tưới tiêu tương đối tốt.

Việc hoàn thành và đưa vào hoạt động công trình Công Năm A đã đáp ứng mục tiêu ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô; tiêu thoát nước cho khoảng 40 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; điều tiết và cấp nước cho khoảng 50 ha đất sản xuất, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản; cải tạo môi trường nước nuôi tôm cho khu vực; cùng với tuyến đê bao Nhựt Ninh ngăn lũ và chống triều cường, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

c. Giáo dục và đào tạo

Chất lượng công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng lên; đảm bảo trường học an toàn. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đạt nhiều kết quả tích cực. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số

3149/KHUBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 25/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh và đào tạo nghề trên địa bàn huyện.

Tổ chức các phong trào, hội thi nhằm nâng cao chất lượng dạy và học; tổ chức tốt kỳ thi tuyển sinh lớp 10, kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và khai giảng năm học 2023 - 2024. Tập trung vận động học sinh ra lớp đầu năm học; công tác phổ cập giáo dục, chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được duy trì, nâng cao chất lượng. 10/10 xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi, PCGD tiểu học mức độ 3, PCGD trung học cơ sở mức độ 3, PCGD xóa mù chữ mức độ 2. Toàn huyện có 29/29 trường đạt chuẩn quốc gia (*trong đó có 02 trường đạt chuẩn mức độ 2 về cơ sở vật chất*).

Tuyển sinh vào lớp 10: đạt 91,9% (821/893 học sinh); Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT: đạt 99,69% (654/656) (*trong đó, Trường THPT Tân Trụ: 387/388 đạt 99,74%; THPT Nguyễn Trung Trực 267/268 đạt 99,62%*).

Hoàn thành chương trình cấp Mầm non, mẫu giáo 919/919; cấp tiểu học 1.116/1.116; tốt nghiệp THCS 947/947. Tổ chức tuyên dương học sinh giỏi, học sinh đỗ đại học và tiếp sức học sinh vượt khó đến trường.

Thực hiện đổi tên Trường THCS thị trấn Tân Trụ thành Trường THCS Nguyễn Văn Chiêu. Tiếp nhận đơn vị tài trợ nâng cấp, xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Bộ xã Tân Phước Tây.

d. Văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, tuyên truyền

Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên tất cả các lĩnh vực. Chất lượng hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở; phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa không ngừng được nâng cao. Phối hợp ngành tỉnh tổ chức thành công giải bóng chuyền nam vô địch tỉnh năm 2023; phối hợp Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh về kế hoạch phát triển du lịch Khu di tích Vàm Nhứt Tảo. Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng được thực hiện tốt; tập trung triển khai cài đặt, sử dụng Nền tảng công dân số “Long An Số”; đẩy nhanh việc cập nhật mã định danh cá nhân, căn cước công dân của người tham gia trong cơ sở dữ liệu Bảo hiểm xã hội. Tập trung thực hiện chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 trên địa bàn huyện. Công tác bảo tồn, tôn tạo, phát huy hiệu quả các Khu di tích được chú trọng, tổ chức Lễ công bố Quyết định và đón

nhận Bằng xếp hạng Di tích lịch sử cấp tỉnh Chùa Ông (*thị trấn Tân Trụ*); tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 155 năm ngày Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực hy sinh (*tiếp đón trên 120 ngàn lượt khách đến tham dự các hoạt động lễ tưởng niệm tại Khu di tích lịch sử Vàm Nhựt Tảo*) được du khách và người dân đánh giá cao. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực văn hóa, thông tin và truyền thông được tăng cường. Phối hợp Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh ra mắt sản phẩm du lịch Tân Trụ Quê hương em tại Khu di tích Vàm Nhựt Tảo. Tổ chức kiểm tra 20 cuộc với 48 lượt hộ kinh doanh dịch vụ văn hóa và 18 cuộc đối với 35 hộ kinh doanh dịch vụ Internet, trò chơi trực tuyến, qua kiểm tra chưa phát hiện vi phạm.

f. Quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội cơ bản đảm bảo. Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát huy hiệu quả; lực lượng nòng cốt và các mô hình phòng, chống tội phạm ngày được củng cố xây dựng, ý thức tham gia phòng, chống tội phạm của người dân ngày càng được nâng cao. Năm 2023, huyện tổ chức thành công Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc điểm của huyện tại xã Đức Tân và Khối cơ quan tại Ngân hàng NN và PTNN chi nhánh huyện Tân Trụ Đông Long An và trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại. Triển khai các đợt cao điểm tuần tra, tấn công, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội và kiểm chế tai nạn giao thông, nhất là tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm nồng độ cồn khi tham gia giao thông, vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Trật tự an toàn xã hội 18 vụ (*giảm 01 vụ so cùng kỳ năm 2022, 18/19 vụ*). Tội phạm khác: xâm phạm an toàn công cộng 01 vụ - tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng (*01 khẩu súng, 03 viên đạn*) tại xã Bình Trinh Đông. Triệt xóa 10 tụ điểm tệ nạn xã hội (*07 vụ đánh bạc dưới hình thức đá gà ăn thua bằng tiền, 03 vụ đánh bạc dưới hình thức lắc bầu cua*), ra quyết định xử phạt VPHC 10 vụ, 99 đối tượng, tổng số tiền phạt: 170.600.000 đồng. Tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường 01 vụ (*gây ô nhiễm môi trường tại xã Bình Tịnh*); về lĩnh vực an toàn giao thông trong năm lập biên bản vi phạm TTATGT 1.163 trường hợp, tạm giữ 636 phương tiện, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực TTATGT 1.025 trường hợp, số tiền 2.844.995.000 đồng, tước GPLX có thời hạn 234 trường hợp; đề nghị UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, với tổng số tiền 342.800.000 đồng Thường xuyên

kiểm tra công tác PCCC tại các cơ quan, trường học, các cơ sở kinh doanh, các chợ, khu đông dân cư; tổ chức tập huấn và thực tập phương án chữa cháy, tạo ý thức cho tổ chức, cá nhân trong công tác PCCC. Kiểm tra PCCC 35 lượt cơ sở, phúc tra 05 cơ sở karaoke, 02 cơ sở gas, 05 cơ quan, 26 cơ sở, 01 công ty. Qua kiểm tra không phát hiện vi phạm. Tổ chức diễn tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Tổ liên gia an toàn PCCC số 1, khu phố Tân Bình, thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An,...

Tổ chức thành công Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc điểm của huyện tại xã Đức Tân và Khối cơ quan tại Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam chi nhánh huyện Tân Trụ Đông Long An và trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại.

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TU ngày 25/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*”; công tác bảo vệ bí mật nhà nước được đảm bảo (*trong năm chưa phát hiện trường hợp để lọt, lộ bí mật nhà nước*).

Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được tăng cường; duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên đúng và đủ đầu mối theo quy định; thực hiện công tác huấn luyện đảm bảo theo kế hoạch. Tổ chức tốt Lễ giao nhận quân năm 2023, đạt 100% chỉ tiêu cả 2 cấp (*Công dân nhập ngũ nghĩa vụ quân sự: 85 công dân; tham gia nghĩa vụ công an nhân dân: 15 công dân*); đồng thời thực hiện tốt các bước công tác tuyển quân năm 2024. Tổ chức tốt công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4; làm tốt công tác tuyên truyền tuyển sinh quân sự năm 2023 (*Kết quả trúng tuyển 01 thí sinh quân sự và 03 thí sinh ngành quân sự cơ sở*). Tổ chức Đoàn đi chúc tết cổ truyền và trao đổi nội dung ký kết biên bản hợp tác năm 2023 với Chi khu quân sự Sithor Kandal/Tiểu khu quân sự PreyVeng/Vương quốc Campuchia. Tổ chức tốt diễn tập chiến đấu xã Quê Mỹ Thạnh, xã Bình Trinh Đông và diễn tập phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn xã Tân Phước Tây. Tổ chức Hội nghị xét duyệt nghĩa vụ quân sự năm 2024.

g. Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

Duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh của Nhân dân; công tác

phòng, chống bệnh sốt xuất huyết và các bệnh truyền nhiễm khác được thực hiện thường xuyên:

- **Sốt xuất huyết:** tổng số ca đến nay là 116 ca, giảm 504 ca so với cùng kỳ 2022 (620 ca), không ghi nhận trường hợp tử vong, giảm 01 ca so với cùng kỳ 2022 (01 ca); tổng số ổ dịch ghi nhận 77 ổ dịch, giảm 229 ổ dịch so với cùng kỳ 2022 (306 ổ dịch).

- **Tay chân miệng:** tổng số ca mắc đến nay là 154 ca, tăng 97 ca so với cùng kỳ 2022 (57 ca), không có trường hợp tử vong, ghi nhận 05 ổ dịch, tăng 05 ổ dịch so với cùng kỳ 2022 (năm 2022 không có ổ dịch).

- **Đau mắt đỏ:** từ ngày 01/9/2023 đến nay trên địa bàn huyện xảy ra 1.546 ca.

Tập trung tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế (đến nay đạt 94,07/96%). Kiểm tra, giám sát các hoạt động hành nghề khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám tư nhân; tăng cường kiểm tra về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nên không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm. Cấp huyện kiểm tra 106 cơ sở, cấp xã kiểm tra 176 cơ sở, qua kiểm tra đa số các cơ sở đều chấp hành tốt các điều kiện về an toàn thực phẩm. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm không xảy ra. Công nhận lại xã Lạc Tấn, xã Bình Tịnh đạt chuẩn Quốc gia về y tế năm 2022; công nhận 07 xã đạt và vượt tỷ lệ 60% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 02 con năm 2022.

h. Dân số

Theo số liệu thống kê đến 31/12/2022, tổng dân số trên địa bàn huyện Tân Trụ là 67.908 người.

Bảng 02: Dân số và mật độ dân số của huyện Tân Trụ

STT	Xã/thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Dân số TB nam	Dân số TB nữ	Mật độ dân số (người/km ²)
	Tổng huyện	106,31	67.908	35514	34394	639
1	Thị Trấn Tân Trụ	5,63	5.985	2.954	3.031	1.058
2	Xã Tân Bình	16,71	11.087	5.471	5.616	665
3	Xã Quê Mỹ Thạnh	9,25	6.442	3.179	3.263	696
4	Xã Lạc Tấn	8,81	6.186	3.053	3.133	702
5	Xã Bình Trị Đông	9,76	5.556	2.742	2.814	569

STT	Xã/thị trấn	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Dân số TB nam	Dân số TB nữ	Mật độ dân số (người/km ²)
6	Xã Tân Phước Tây	12,99	6.656	3.285	3.371	512
7	Xã Bình Lăng	8,17	6.783	3.347	3.436	830
8	Xã Bình Tịnh	7,26	4.614	2.277	2.337	636
9	Xã Đức Tân	13,23	7.147	3.527	3.620	540
10	Xã Nhựt Ninh	14,50	7.452	3.679	3.773	514

(Nguồn Niên giám thống kê năm 2022 huyện Tân Trụ)

Mật độ dân số trung bình toàn huyện là 639 người/km². Dân cư huyện phân bố không đồng đều trong 10 đơn vị hành chính cấp xã, tập trung nhiều nhất ở thị trấn Tân Trụ với mật độ dân số 1.058 người/km², đứng thứ 2 về sự đông dân cư là Bình Lăng với mật độ dân số 830 người/ km². Các xã còn lại không có sự chênh lệch nhiều. Thấp nhất là xã Tân Phước Tây với mật độ 512 người/km²

i. Lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội

Thực hiện đúng, đủ và kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công cách mạng, chính sách an sinh xã hội 20, nhất là dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 đã tiếp nhận, vận động, trao tặng 17.571 phần quà cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, tổng kinh phí 6,564 tỷ đồng (*tăng 1,049 tỷ đồng so với năm 2022*). Triển khai kế hoạch thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo về thông tin, Kế hoạch thực hiện các Dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tư vấn hướng nghiệp về học nghề, việc làm, phân luồng học sinh; Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững Tiểu dự án - hỗ trợ việc làm bền vững; Kế hoạch thực hiện Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; công tác vận động đóng góp Quỹ Bảo trợ trẻ em năm 2023 được thực hiện tốt Vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa số tiền 323.907.957 đồng. Phối hợp Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh tổ chức trao kinh phí hỗ trợ cho 05 trẻ em mồ côi do Covid-19, số tiền 25.000.000 đồng do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Quỳnh tài trợ; Trao tặng học bổng cho 25 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với tổng kinh phí là 30.000.000 đồng do Công ty xăng dầu Long An hỗ trợ. Trao 70 suất nhu yếu phẩm cho trẻ em bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 mỗi suất trị giá 725.000 đồng do Công ty GRAP Việt Nam tài trợ. Công tác đưa người

lao động đi làm việc ở nước ngoài đạt 21/40, chiếm 52,5% chỉ tiêu được giao. Các hoạt động chăm sóc, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới được quan tâm.

Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo, dạy nghề cho lao động nông thôn được tập trung thực hiện Xác nhận, giới thiệu việc làm cho 2.071/2.500 lượt lao động, đạt 82,84%; có 10/10 xã đăng ký các lớp dạy nghề nông thôn (07 xã theo nhóm ngành nghề nông nghiệp, 03 xã theo nhóm ngành nghề phi nông nghiệp) đã triển khai mở 03 lớp phi nông nghiệp gồm 93 học viên (*Lạc Tấn, Đức Tân, thị trấn Tân Trụ*); phối hợp Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện giải ngân nguồn vốn Quốc gia giải quyết việc làm cho 16 lao động, số tiền 750.000.000 đồng; phối hợp tư vấn hướng nghiệp cho 75 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương.

1.2.3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

Thị trấn Tân Trụ là trung tâm hành chính của huyện, nơi tập trung các trụ sở cơ quan, trụ sở của các tổ chức sự nghiệp, công trình văn hóa và phúc lợi xã hội của huyện. Khu vực phát triển đô thị hiện nay được xác định bao gồm toàn bộ ranh giới thị trấn Tân Trụ có diện tích là 563,63 ha, trong đó đất nông nghiệp 371,11 ha, đất phi nông nghiệp 192,52 ha.

Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật của thị trấn đang được đầu tư phát triển như: Giao thông, điện, cấp thoát nước, thương mại, bưu chính viễn thông... Các công trình phúc lợi xã hội, phúc lợi công cộng đang được đầu tư nâng cấp, xây dựng và hoàn thiện. Tuy nhiên, mật độ hệ thống giao thông đô thị còn chưa cao, chất lượng chưa đảm bảo, bề mặt nhiều tuyến đường còn hẹp.

b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, các chương trình như giải quyết việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn, chương trình xây dựng nông thôn mới... đã được ưu tiên đầu tư trên địa bàn huyện.

Diện mạo các khu dân cư nông thôn những năm gần đây đã có nhiều thay đổi, nhà ở được đầu tư xây dựng khang trang hơn, hệ thống giao thông được đầu tư làm mới, nâng cấp, bê tông hoá; mạng lưới cung cấp điện cho sản xuất, sinh hoạt, công trình cấp nước sạch sinh hoạt được đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu của Nhân dân; các công trình công cộng như trạm y tế, trường học, nhà văn hoá, sân chơi thể thao... ngày càng được xây dựng hoàn chỉnh, nhằm phục vụ tốt hơn

đời sống tinh thần cho dân cư nông thôn. Môi trường sinh thái các khu nông thôn còn khá tốt, ít chịu ảnh hưởng của ô nhiễm không khí, nước, đất và sản xuất công nghiệp.

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường

1.3.1. Thuận lợi

Trong năm 2023, UBND huyện tập trung chỉ đạo, điều hành thực hiện cơ bản hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm đề ra; các ngành huyện, UBND xã, thị trấn có sự quyết liệt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Các tiêu chí về cải cách hành chính được tập trung rà soát, khẩn trương thực hiện. Các khó khăn, vướng mắc ở một số dự án, công trình được tập trung tháo gỡ để đẩy nhanh tiến độ triển khai.

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển; các hoạt động thu hút đầu tư được chú trọng. Nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được khẩn trương thực hiện. Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả tốt. Văn hóa - xã hội tiếp tục được chú trọng và phát huy hiệu quả, chất lượng giáo dục năm học 2022-2023 được giữ vững. Công tác chăm lo gia đình chính sách, đối tượng xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công tác kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm được tăng cường.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông ngày càng được tăng cường; tổ chức tốt công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Quê Mỹ Thạnh, Bình Trinh Đông và phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn xã Tân Phước Tây năm 2023 đảm bảo an toàn, đúng kế hoạch. Các ngành khối nội chính có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác.

- Công tác nội vụ, cải cách hành chính, thanh tra và tư pháp có sự tập trung. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển khởi sắc. Các công trình xây dựng cơ bản, công trình trọng điểm của huyện được khẩn trương thực hiện. Thu ngân sách đạt tương đối, chi ngân sách đúng luật, tiết kiệm.

- Sản xuất nông nghiệp ổn định; chủ động thực hiện tốt tích trữ nước ngọt đảm bảo phục vụ sản xuất; công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, tiêm phòng vắc

xin cho vật nuôi, các giải pháp phòng, chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả.

- Lĩnh vực văn hóa - xã hội thực hiện đảm bảo kế hoạch; các hoạt động an sinh xã hội tiếp tục được tăng cường. Công tác khám, điều trị bệnh cho nhân dân được thực hiện tốt. Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội cơ bản đảm bảo; thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, hoàn thành công tác tuyển quân. Các ngành khối nội chính có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác.

1.3.2. Những khó khăn, hạn chế

- Công tác vận động giải phóng mặt bằng ở các công trình, dự án lớn còn nhiều khó khăn do một số hộ dân chưa đồng thuận.

- Tiến độ thu ngân sách tuy được tập trung thực hiện nhưng tỷ lệ thu còn thấp không đạt yêu cầu; thu hồi tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa còn chậm. Tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư các công trình đầu tư công năm 2023 còn chưa đạt yêu cầu, nhất là công trình trọng điểm đường đê ven sông Vàm Cỏ Tây (đoạn 2), đường Nguyễn Văn Mỹ...

- Tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn các công trình đầu tư công còn chậm, nhất là các công trình vốn huyện. Việc vận động vốn đối ứng trong dân để triển khai thi công các công trình thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/HU của Huyện ủy ở một số xã chưa đạt yêu cầu phải chuyển vốn (xã Bình Lăng, xã Tân Phước Tây).

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng được quan tâm, chỉ đạo ngay từ đầu năm nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc, tỷ lệ bồi thường giải phóng mặt bằng còn thấp so với kế hoạch. Tình trạng vi phạm pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và trật tự đô thị chưa được xử lý dứt điểm.

- Tình hình tiêu thụ một số nông sản không ổn định; giá vật tư đầu vào tăng cao, ảnh hưởng đến sản xuất và giảm lợi nhuận của người dân. Hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã còn thấp.

- Tình trạng ô nhiễm môi trường mặc dù được kiểm soát chặt chẽ nhưng vẫn còn xảy ra ở một số điểm, nhất là khu vực đông dân cư gây ảnh hưởng chất lượng cuộc sống của người dân.

- Dịch bệnh tay chân miệng, đau mắt đỏ còn xảy ra nhiều gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân; trong những tháng đầu năm xảy ra tình trạng thiếu thuốc BHYT (hiện nay đã được khắc phục).

- Công tác chỉnh trang đô thị, cảnh quan môi trường có lúc, có nơi chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên. Việc thu hồi tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa tuy được tập trung nhưng chưa đạt yêu cầu. Chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể, các tổ hợp tác, hợp tác xã trên lĩnh vực nông nghiệp chất lượng, hiệu quả còn kém. Các chuỗi liên kết, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp chưa phát huy được hiệu quả. Trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn xảy ra, nhất là tệ nạn đá gà qua mạng có chiều hướng tăng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

2.1.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Trụ được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định 12581/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Trụ. Tính đến 31/12/2023 huyện Tân Trụ đã thực hiện được các công trình dự án cụ thể như sau:

- Đã và đang thực hiện là 29/97 công trình dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch 2023, đạt tỷ lệ 29,90%.

- Công trình dự án chưa thực hiện trong năm 2023 là 68 công trình, dự án chiếm tỷ lệ 70,10% tổng công trình, dự án

Cụ thể kết quả thực hiện các dự án như sau:

Bảng 03: Các công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch năm 2023

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
1	Nâng cấp mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Nguyễn Trung Trực đến Cống Bần)	DGT	2,31		2,31	Xã Bình Tịnh
		DGT	0,07		0,07	TT Tân Trụ
2	Mở rộng đường vào Bệnh viện	DGT	0,14		0,14	TT Tân Trụ
3	Đường Chùa Cửu Long	DGT	0,14		0,14	TT Tân Trụ
4	Mở rộng tuyến đường Tám Thuần	DGT	0,69	0,40	0,29	Xã Tân Phước Tây
5	Mở rộng tuyến đường Lê Văn Điện	DGT	0,60	0,40	0,20	Xã Tân Phước Tây
6	Mở rộng đường Phan Văn Phên	DGT	0,12		0,12	Xã Tân Bình
7	Mở rộng đường Nguyễn Thị Diễm	DGT	1,00	0,70	0,30	Xã Tân Bình

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
8	Nâng cấp mở rộng đường cầu Bà Năm (Bình Đức - Bình An)	DGT	0,80		0,80	Xã Bình Lăng
9	Mở rộng đường Nguyễn Văn Châu	DGT	0,54	0,34	0,20	Xã Đức Tân
10	Mở rộng đường kênh 7 Hoàng	DGT	1,00	0,40	0,60	Xã Lạc Tấn
11	Cống rạch Dinh	DTL	0,30		0,30	Xã Nhựt Ninh
12	Cống Mắm Miếu	DTL	0,20		0,20	Xã Nhựt Ninh
13	Nhà văn hóa ấp 1	DSH	0,05		0,05	Xã Lạc Tấn
14	Chuyển mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn của hộ gia đình cá nhân					
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Tân Bình	ONT	2,54		2,54	Xã Tân Bình
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Quê Mỹ Thạnh	ONT	2,18		2,18	Xã Quê Mỹ Thạnh
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Lạc Tấn	ONT	1,34		1,34	Xã Lạc Tấn
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Bình Lăng	ONT	0,48		0,48	Xã Bình Lăng
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Bình Tịnh	ONT	2,11		2,11	Xã Bình Tịnh
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Bình Trinh Đông	ONT	2,39		2,39	Xã Bình Trinh Đông
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Đức Tân	ONT	0,72		0,72	Xã Đức Tân
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Nhựt Ninh	ONT	0,22		0,22	Xã Nhựt Ninh
-	Chuyển mục đích đất ở tại xã Tân Phước Tây	ONT	0,29		0,29	Xã Tân Phước Tây
15	Chuyển mục đích sử dụng đất ở tại đô thị của hộ gia đình cá nhân tại thị trấn Tân Trụ	ODT	0,22		0,22	TT Tân Trụ

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có 14 công trình, dự án đang thực hiện

**Bảng 04: Danh mục công trình, dự án đang thực hiện trong
kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tân Trụ**

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
1	Cơ sở gia công đóng gói gạo, nông sản	SKC	0,58	0,40	0,18	Xã Lạc Tấn
2	Nâng cấp mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Nguyễn Trung Trực đến Cống Bần)	DGT	2,10		2,10	Xã Bình Lăng
			0,10		0,10	Xã Bình Tịnh
3	Đường từ ĐT 833 đến đường Cao Thị Mai	DGT	0,60		0,60	Xã Bình Tịnh
			0,20		0,20	Xã Bình Trinh Đông
4	Mở rộng đường Cầu Dừa	DGT	0,33		0,33	Xã Đức Tân
			0,63	0,47	0,16	Xã Nhựt Ninh
5	Mở rộng đường Cầu Đình	DGT	0,70	0,35	0,35	Xã Nhựt Ninh
6	Đường vào khu vực ông Phan Văn Cò- 3 Triều ấp Bình Tây	DGT	0,44	0,24	0,20	Xã Bình Trinh Đông
7	Mở rộng đường Phạm Công Thượng nối liền Huyện lộ Cao Thị Mai và Huyện Lộ Đình	DGT	0,70	0,30	0,40	Xã Bình Trinh Đông
8	Mở rộng đường Nguyễn Thị Lầu	DGT	2,05	1,64	0,41	Xã Quê Mỹ Thạnh
9	Nút giao ngã tư Lạc Tấn	DGT	0,06		0,06	Xã Lạc Tấn
10	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV	DNL	0,15		0,15	Xã Tân Bình
11	Trường mẫu giáo Bình Trinh Đông	DGD	0,20		0,20	Xã Bình Trinh Đông
12	Mở rộng Miếu ông Bàn Qùy	TIN	0,85	0,40	0,45	Xã Nhựt Ninh
13	Khu tái định cư	ONT	11,26		11,26	Xã Tân Bình
14	Khu dân cư chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Tân Trụ	ODT	12,87		12,87	TT Tân Trụ

2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Trụ được thể hiện như sau:

Bảng 05: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023	
				Diện tích (ha)	Tăng(+), giảm(-) (ha)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		10.635,59	10.635,59	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.120,63	7.503,35	382,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.038,36	6.345,23	306,87
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.038,36</i>	<i>6.345,23</i>	<i>306,87</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	97,48	121,48	24,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	643,62	673,85	30,23
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	312,74	333,28	20,54
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,42	29,51	1,09
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.514,96	3.132,24	-382,72
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,06	1,37	-3,69
2.2	Đất an ninh	CAN	1,69	0,93	-0,76
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	118,74	118,74	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	171,50	-	-171,50
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	9,77	6,66	-3,11
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	51,84	36,59	-15,25
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	499,14	421,54	-77,60
-	Đất giao thông	DGT	402,27	329,28	-72,99
-	Đất thủy lợi	DTL	2,99	2,99	-
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,24	4,14	-0,10
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,23	4,27	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	30,28	26,81	-3,47
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,23	2,23	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,24	1,29	-0,95
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,64	0,64	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt	Kết quả thực hiện đến 31/12/2023	
				Diện tích (ha)	Tăng(+), giảm(-) (ha)
-	Đất có di tích lịch sử lịch sử - văn hóa	DDT	6,11	5,71	-0,40
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,30	6,26	-0,04
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	36,40	36,71	0,31
-	Đất chợ	DCH	1,21	1,21	-
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,79	1,74	-0,05
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	-
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.565,06	1.465,63	-99,43
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	119,45	84,73	-34,72
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,91	12,19	0,28
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,17	0,17	-
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,06	7,06	-
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	SON	945,11	968,21	23,10
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,68	6,68	-
2.19	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp trong kế hoạch năm 2023 được duyệt là 7.120,63 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 7.503,35 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 382,72 ha. Cụ thể chỉ tiêu các loại đất nông nghiệp thực hiện năm 2023 như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 6.038,36 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 6.345,23 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 306,87 ha.

Diện tích đất trồng lúa năm 2023 còn lại chưa thực hiện hết là do trong năm 2023 chưa thu hồi, chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện công trình, dự án: Khu công nghiệp Tân Bình 1; Khu công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Đất thương mại dịch vụ xã

Bình Tịnh; Cây xăng tại xã Bình Tịnh; Nhà trưng bày - Xây kho chứa gạo và các nông sản khác; Đất thương mại dịch vụ xã Tân Bình; Kho chứa hàng nông sản tại xã Tân Bình; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Tân Bình; Mở rộng doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp Thành; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Bình Lăng; Mở rộng công ty Phước Lợi; Hộ kinh doanh VIO; Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài; Công ty TNHH MTV Sao Vàng; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây, Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn đường Thanh Phong đến ranh TP Tân An)...

- Đất trồng cây năm hàng năm khác: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 97,48 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 121,48 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 24,00 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm còn lại chưa thực hiện hết là do trong năm 2023 chưa thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm để thực hiện công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Bình Tịnh; Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ; Khu dân cư TT Tân Trụ - Đức Tân...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 643,62 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 673,85 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 30,23 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại chưa thực hiện hết là do trong năm 2023 chưa thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm để thực hiện các công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong); Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Mỹ (từ ĐT 833 đến đường Cao Thị Mai); Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ; Mở rộng đường Cầu Dừa; Mở rộng đường Tám Tới; Mở rộng đường Miếu Điện; Đường GTNT (điểm đầu thửa 591 tờ 6, điểm cuối thửa 206 tờ 11 Mỹ Bình cũ)...

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 312,74 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 333,28 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 20,54 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản còn lại chưa thực hiện hết là do trong năm 2023 chưa thu hồi, chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản để thực hiện các công trình: Bãi vật liệu xây dựng xã Bình Tịnh; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Công Bàn đến đường Thanh Phong); Mở rộng đường cầu dừa; Mở rộng đường Nguyễn Văn Vĩnh (giai đoạn 1 từ Huyện lộ Đình); Di tích Đám Lá Tối Trời...

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 28,42 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 29,51 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 1,09 ha so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất nông nghiệp khác còn lại chưa thực hiện hết là do trong năm 2023 chưa thu hồi, chuyển mục đích đất nông nghiệp khác để thực hiện dự án: Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch năm 2023 được duyệt là 3.514,96 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 3.132,24 ha, thấp hơn 382,72 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 89,11%. Cụ thể các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp thực hiện năm 2023 như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 5,06 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1,37 ha, thấp hơn 3,69 ha, đạt 27,08% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất quốc phòng năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện dự án: Ban chỉ huy Quân sự huyện (mới) tại thị trấn Tân Trụ.

- Đất an ninh: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 1,69 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 0,93 ha, thấp hơn 0,76 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 55,03%.

Diện tích đất an ninh năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện công trình, dự án: Bến thủy nội địa, Trụ sở công an xã Bình Lăng; Trụ sở công an xã Tân Bình; Trụ sở công an xã Đức Tân.

- Đất khu công nghiệp: Ổn định diện tích 118,74 ha.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 171,50 ha, trong năm 2023 chưa thực hiện thu hồi giải phóng mặt bằng được các công trình đất cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tân Bình 1 (*Cụm công*

ngiệp Thanh Yên cũ); Cụm Công nghiệp Tân Bình 2 (Cụm công nghiệp Mỹ Kim Long cũ); Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long.

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 9,77 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 6,66 ha, thấp hơn 3,11 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 68,17%.

Diện tích đất thương mại dịch vụ năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được công trình, dự án: Bãi vật liệu xây dựng xã Bình Tịnh; Đất thương mại dịch vụ xã Bình Tịnh; Cây xăng xã Bình Tịnh; Đất thương mại dịch vụ xã Lạc Tấn; Đất thương mại dịch vụ xã Đức Tân; Nhà trung bày - Xây kho chứa gạo và các nông sản khác xã Quê Mỹ Thạnh...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 51,84 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 36,59 ha, thấp hơn 15,25 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 70,58%.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được công trình, dự án: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Tân Bình, Xã Bình Lăng, xã Bình Tịnh; Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài; Công ty TNHH MTV Sao Vàng...

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 499,14 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 421,54 ha, thấp hơn 77,60 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 84,45%. Cụ thể:

+ Đất giao thông: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 402,27 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 329,28 ha, thấp hơn 72,99 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 81,86%.

Diện tích đất giao thông năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được công trình, dự án: Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn đường Thanh Phong đến ranh TP Tân An); Đường kết nối Từ đường Nguyễn Văn Mỹ Đến ĐT 833B; Đường GTNT (điểm đầu thửa 591 tờ 6, điểm cuối thửa 206 tờ 11 Mỹ Bình cũ); Mở rộng đường Cầu Bà Tổng; Mở rộng đường Nguyễn Văn Vĩnh (giai đoạn 1 từ Huyện lộ Đình); Mở rộng đường Nguyễn Văn Hai; Mở rộng đường Bạch Thị Năm; Mở rộng đường Huỳnh Ngọc Xinh; Đường Bần Cao...

+ Đất thủy lợi: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 2,99 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 2,99 ha, ổn định diện tích so với kế hoạch được duyệt, đạt 100%.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 4,24 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 4,14 ha, thấp hơn 0,10 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 97,64%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện công trình, dự án: Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao xã Bình Trinh Đông.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 4,23 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 4,27 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 0,04 ha. Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế năm 2023 còn lại là do chưa thực hiện công trình, dự án: Trạm y tế thị trấn Tân Trụ, một phần chênh lệch diện tích là do số liệu thống kê đất đai chưa thống kê đất trạm y tế xã Tân Phước Tây (diện tích 1200 m²) đã được cấp GCN ngày 09/01/2019 vào số liệu hiện trạng đất xây dựng cơ sở y tế trên địa bàn huyện Tân Trụ.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 30,28 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 26,81 ha, thấp hơn 3,47 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 88,54%.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện dự án: Trường THPT Tân Trụ.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 2,23 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 2,23 ha, ổn định diện tích so với kế hoạch năm 2023 được duyệt, đạt 100,00%.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 2,24 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1,29 ha, thấp hơn 0,95 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 57,59%.

Diện tích đất công trình năng lượng năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được công trình: Trạm điện 110KV tại xã Bình Trinh Đông và xã Tân Phước Tây.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 0,64 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 0,64 ha, ổn định diện tích so với kế hoạch được duyệt đạt 100,00%.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 6,11 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 5,71 ha, thấp hơn 0,40 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 93,45%.

Diện tích đất có di tích lịch sử văn hóa năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được dự án: Di tích Đám Lá Tỏi Trôi (*Giai đoạn 1*).

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 6,30 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 6,26 ha, thấp hơn 0,04 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 99,37%.

Diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được công trình, dự án: Mở rộng Tịnh Thất Nhứt Minh tại xã Tân Bình.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 36,40 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 36,71 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 0,31 ha;

+ Đất chợ: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 1,21 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1,21 ha, ổn định diện tích so với kế hoạch được duyệt đạt 100,00%.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 1,79 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1,74 ha, thấp hơn 0,05 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 97,21%.

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được dự án: Nhà văn hoá ấp Bình An.

- Đất ở nông thôn: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 1.565,06 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 1.465,63 ha, thấp hơn 99,43 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 93,65%.

Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được dự án: Khu tái định cư Cụm công nghiệp Tân Bình 1, 2; Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây; Đấu giá quyền sử dụng đất công (*Đất công ích xã An Nhứt Tân*); Đấu giá giao quyền sử dụng đất (*thửa 89 tờ 20*); Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (*đất nuôi trồng thủy sản*); Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (*Đất công ích xã Nhứt Ninh*).

- Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 119,45 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 84,73 ha, thấp hơn 34,72 ha so với kế hoạch được duyệt đạt 70,93%.

Diện tích đất ở tại đô thị năm 2023 thấp hơn diện tích được phê duyệt là do trong năm 2023 chưa thực hiện được công trình, dự án: Khu dân cư TT Tân Trụ - Đức Tân; Khu dân cư TT Tân Trụ; Quy hoạch khu tái định cư đường ĐT 827E; Đấu giá quyền sử dụng đất công (*Thửa 492 tờ 26*); Đấu giá quyền sử dụng đất công (*Thửa 299 tờ 8*)...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 11,91 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 12,19 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 0,28 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023 còn lại chưa thực hiện được là do trong năm 2023 chưa chuyển mục đích đất xây dựng trụ sở cơ quan để thực hiện công trình, dự án: Trụ sở công an xã Bình Lãng; Trụ sở công an xã Tân Bình...

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2023 là 0,17 ha, ổn định diện tích so với diện tích được phê duyệt, đạt tỷ lệ 100%.

- Đất tín ngưỡng: Diện tích đất tín ngưỡng năm 2023 là 7,06 ha, ổn định diện tích so với diện tích được phê duyệt, đạt tỷ lệ 100%.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch: Diện tích kế hoạch năm 2023 được duyệt là 945,11 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2023 là 968,21 ha, diện tích còn lại chưa thực hiện trong năm 2023 là 23,10 ha.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh rạch năm 2023 còn lại chưa thực hiện được là do trong năm 2023 chưa chuyển mục đích đất sông, ngòi, kênh, rạch để thực hiện công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây, Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong...

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2023 là 6,68 ha, ổn định diện tích so với diện tích được phê duyệt, đạt tỷ lệ 100%.

2.1.3. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Trong năm 2023 trên địa bàn huyện Tân Trụ đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất 15,82 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn các xã như sau: thị trấn Tân Trụ 0,50 ha; xã Tân Bình 2,96 ha; xã Bình Lãng 1,28 ha; xã Bình Tịnh 2,15 ha; xã Bình Trinh Đông 2,39 ha; xã Đức Tân 0,92

ha; xã Lạc Tấn 1,94 ha; xã Nhựt Ninh 0,72 ha; xã Quê Mỹ Thạnh 2,18 ha; xã Tân Phước Tây 0,78 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 14,59 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1,23 ha;

Bảng 06: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được phê duyệt	Diện tích thực hiện năm 2023	Biến động
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	395,05	15,82	-379,23
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	318,41	14,59	-303,82
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	318,41	14,59	-303,82
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	23,84	-	-23,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	31,88	1,23	-30,65
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	20,26	-	-20,26
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,66	-	-0,66
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,82	-	-3,82

2.1.4. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong năm 2023

Trong năm 2023 đã thu hồi 3,33 ha đất nông nghiệp giảm 391,72 ha diện tích phê duyệt trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: 2,10 ha;
- Diện tích đất trồng cây lâu năm: 1,23 ha;

Thu hồi diện tích đất phi nông nghiệp 2,32 ha; trong đó:

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,05 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch: 2,34 ha.

Bảng 07: Kết quả thu hồi đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được phê duyệt	Diện tích thực hiện năm 2023	Biến động
1	Đất nông nghiệp	NNP	395,05	3,33	-391,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	318,41	2,10	-316,31
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	318,41	2,10	-316,31
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	23,84	-	-23,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	31,88	1,23	-30,65
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	20,26	-	-20,26
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	40,29	2,32	-37,97
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5,30	-	-5,30
	Đất giao thông	DGT	4,86	-	-4,86
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,13	-	-0,13
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,31	-	-0,31
2.2	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,08	-	-0,08
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	9,01	-	-9,01
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,30	-	-0,30
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,11	-	-0,11
2.6	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,05	0,05	-
2.7	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	SON	25,44	2,34	-23,10

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Trong năm 2023, huyện Tân Trụ hiện vẫn còn 68 công trình, dự án chưa thực hiện, chiếm tỷ lệ 70,10% tổng công trình, dự án

Bảng 08: Danh mục Công trình dự án chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Danh mục dự án	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
I	ĐẤT QUỐC PHÒNG					
1	Ban chỉ huy Quân sự huyện (mới)	CQP	3,70		3,70	TT Tân Trụ
II	ĐẤT AN NINH					
2	Bến thủy nội địa	CAN	0,36		0,36	TT Tân Trụ
III	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP					
3	Cụm công nghiệp Tân Bình 1	SKN	45,00		45,00	Xã Tân Bình
4	Cụm công nghiệp Tân Bình 2	SKN	45,00		45,00	Xã Tân Bình
5	Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến	SKN	40,00		40,00	Xã Tân Bình
6	Cụm công nghiệp An Long	SKN	41,50		41,50	Xã Tân Bình
IV	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ					
7	Bãi vật liệu xây dựng	TMD	0,11		0,11	Xã Bình Tịnh
8	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,40		0,40	Xã Bình Tịnh
9	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,46		0,46	Xã Bình Tịnh
10	Quy hoạch cây xăng	TMD	0,41		0,41	Xã Bình Tịnh
11	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,21		0,21	Xã Lạc Tấn
12	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,45		0,45	Xã Đức Tân
13	Nhà trưng bày - Xây kho chứa gạo và các nông sản khác	TMD	0,27		0,27	Xã Quê Mỹ Thạnh
14	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,20		0,20	Xã Tân Bình
15	Kho chứa hàng nông sản	TMD	0,65		0,65	Xã Tân Bình
V	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP					
16	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,74		0,74	Xã Tân Bình
17	Mở rộng doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp Thành	SKC	0,48		0,48	Xã Bình Lăng
18	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,21		0,21	Xã Bình Lăng

TT	Danh mục dự án	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
19	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,16		0,16	Xã Bình Tịnh
20	Hộ kinh doanh VIO	SKC	0,25		0,25	Xã Bình Trinh Đông
21	Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài	SKC	1,22		1,22	Xã Bình Lăng
			0,60		0,60	Xã Lạc Tấn
22	Công ty TNHH MTV Sao Vàng	SKC	1,43	0,57	0,86	Xã Quê Mỹ Thạnh
23	Nhà máy say lúa, sấy lúa, tách màu	SKC	2,00	2,00		Xã Quê Mỹ Thạnh
24	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,45		0,45	Xã Quê Mỹ Thạnh
25	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,80		0,80	Xã Bình Tịnh
26	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	9,30		9,30	Xã Nhựt Ninh
VI	ĐẤT GIAO THÔNG					
27	Đường tỉnh 827E	DGT	10,70		10,70	Xã Nhựt Ninh
			16,43		16,43	Xã Đức Tân
			13,68		13,68	TT Tân Trụ
			19,89		19,89	Xã Tân Phước Tây
28	Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây, Đoạn đường Thanh Phong đến ranh TP Tân An	DGT	0,77		0,77	Xã Bình Lăng
			0,67		0,67	Xã Lạc Tấn
29	Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ	DGT	2,60		2,60	Xã Tân Bình
30	Mở rộng đường Tám Tới	DGT	0,15		0,15	Xã Tân Phước Tây
31	Mở rộng đường Miếu Điền	DGT	0,12		0,12	Xã Tân Phước Tây

TT	Danh mục dự án	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
32	Đường GTNT (điểm đầu thửa 591 tờ 6, điểm cuối thửa 206 tờ 11 Mỹ Bình cũ)	DGT	0,68	0,46	0,22	Xã Tân Bình
33	Mở rộng đường Cầu Bà Tổng	DGT	1,40	0,80	0,60	Xã Nhựt Ninh
34	Mở rộng đường Nguyễn Văn Vĩnh (giai đoạn 1 từ Huyện lộ Đĩnh)	DGT	0,40	0,20	0,20	Xã Bình Trinh Đông
35	Mở rộng đường Nguyễn Văn Hai	DGT	0,91	0,39	0,52	Xã Bình Trinh Đông
36	Mở rộng đường Bạch Thị Năm	DGT	1,50	1,10	0,40	Xã Quê Mỹ Thạnh
37	Mở rộng đường Huỳnh Ngọc Xinh	DGT	1,60	1,00	0,60	Xã Quê Mỹ Thạnh
38	Đường GTNT ấp 2	DGT	0,20		0,20	Xã Lạc Tấn
39	Đường kết nối Từ đường Nguyễn Văn Mỹ Đến ĐT 833B	DGT	0,50		0,50	Bình Lãng, Bình Tịnh
			1,40		1,40	Xã Lạc Tấn
40	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã tư An Lái (giao giữa ĐT 832 và ĐT 833D)	DGT	0,61	0,28	0,33	Xã Tân Bình
41	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã tư Nhựt Tảo (giao giữa ĐT 832 và ĐT 833B)	DGT	0,57	0,28	0,29	Xã Tân Bình
42	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã tư Tân Phước Tây (ĐT 832 và Hương lộ 25)	DGT	0,61	0,25	0,36	Xã Tân Phước Tây
43	Nâng cấp, mở rộng đường Bàn Cao	DGT	3,67	2,00	1,67	Xã Tân Phước Tây
VII	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG					
44	Trạm điện 110KV	DNL	0,80		0,67	Xã Bình Trinh Đông
					0,13	Xã Tân Phước Tây

TT	Danh mục dự án	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
VIII	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ					
45	Trung tâm y tế huyện Tân Trụ (hoàn thiện thủ tục cấp GCN)	DYT	2,10	2,10		TT Tân Trụ
46	Trạm y tế	DYT	0,08		0,08	TT Tân Trụ
IX	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					
47	Trường THPT Tân Trụ	DGD	3,46		3,46	Xã Bình Tịnh
			0,14		0,14	TT Tân Trụ
X	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ THỂ DỤC THỂ THAO					
48	Sân thể thao	DTT	0,93		0,93	Xã Bình Trinh Đông
XI	ĐẤT DI TÍCH LỊCH SỬ					
49	Di tích Đám Lá Tỏi Trời (Giai đoạn 1)	DDT	0,66		0,66	Xã Nhựt Ninh
XII	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO					
50	Mở rộng Tịnh Thất Nhựt Minh	TON	0,04		0,04	Xã Tân Bình
XIII	ĐẤT SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG					
51	Nhà văn hoá ấp Bình An	DSH	0,13		0,13	Xã Bình Lăng
XIV	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN					
52	UBND xã Bình Tịnh (hoàn thiện thủ tục cấp GCN)	TSC	0,29	0,29		Xã Bình Tịnh
53	UBND xã Bình Trinh Đông (hoàn thiện thủ tục cấp GCN)	TSC	0,30	0,30		Xã Bình Trinh Đông
54	Quy hoạch đất trụ sở cơ quan	TSC	0,20		0,20	Xã Lạc Tấn
XV	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
55	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Tân Bình 1, 2	ONT	10,00		10,00	Xã Tân Bình
56	Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây	ONT	275,00		275,00	Xã Tân Phước Tây

TT	Danh mục dự án	Mã	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
57	Khu đô thị sinh thái xã Nhựt Ninh	ONT	126,00		126,00	Xã Nhựt Ninh
58	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã An Nhựt Tân)	ONT	3,00		3,00	Xã Tân Bình
59	Đấu giá giao quyền sử dụng đất (thửa 89 tờ 20)	ONT	0,07		0,07	Xã Quê Mỹ Thạnh
60	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Bình Lăng)	ONT	0,07		0,07	Xã Bình Lăng
61	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (đất nuôi trồng thủy sản)	ONT	0,64		0,64	Xã Bình Tịnh
62	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Nhựt Ninh)	ONT	0,31		0,31	Xã Nhựt Ninh
XVI	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
63	Khu dân cư TT Tân Trụ - Đức Tân	ODT	59,00		59,00	TT Tân Trụ
64	Khu dân cư TT Tân Trụ	ODT	20,62		20,62	TT Tân Trụ
65	Quy hoạch khu tái định cư đường ĐT 827E	ODT	10,00		10,00	TT Tân Trụ
66	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 454 tờ 24)	ODT	0,44		0,44	TT Tân Trụ
67	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 492 tờ 26)	ODT	0,01		0,01	TT Tân Trụ
68	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 299 tờ 8)	ODT	0,01		0,01	TT Tân Trụ

Trong tổng số 68 công trình dự án chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2023 có 14 công trình dự án hủy bỏ do quá 3 năm hoặc chưa bố trí được nguồn vốn để thực hiện.

Bảng 09: Danh mục các công trình dự án chưa thực hiện hủy bỏ trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá
1	Ban chỉ huy Quân sự huyện (mới)	CQP	3,70		3,70	TT Tân Trụ	Hủy; vì không còn nhu cầu thực hiện
2	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,20		0,20	Xã Tân Bình	Quá 03 năm, chưa có QĐ giao đất
3	Mở rộng doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp Thành	SKC	0,48		0,48	Xã Bình Lăng	Quá 03 năm, chưa có QĐ giao đất
4	Hộ kinh doanh VIO	SKC	0,25		0,25	Xã Bình Trinh Đông	Quá 03 năm, chưa có QĐ giao đất
5	Nhà máy say lúa, sấy lúa, tách màu	SKC	2,00	2,00		Xã Quê Mỹ Thạnh	Quá 03 năm, chưa có QĐ giao đất
6	Đường tỉnh 827E	DGT	10,70		10,70	Xã Nhựt Ninh	Quá 03 năm, chưa có QĐ thu hồi đất
			16,43		16,43	Xã Đức Tân	
			13,68		13,68	TT Tân Trụ	
			19,89		19,89	Xã Tân Phước Tây	
7	Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ	DGT	2,60		2,60	Xã Tân Bình	Quá 03 năm, chưa có QĐ thu hồi đất
8	Mở rộng đường Tám Tới	DGT	0,15		0,15	Xã Tân Phước Tây	Quá 03 năm, chưa có QĐ thu hồi đất
9	Mở rộng đường Miếu Diên	DGT	0,12		0,12	Xã Tân Phước	Quá 03 năm, chưa có QĐ

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Đánh giá
						Tây	thu hồi đất
10	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã tư An Lái (giao giữa ĐT 832 và ĐT 833D)	DGT	0,61	0,28	0,33	Xã Tân Bình	Chưa bố trí được nguồn vốn
11	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã tư Nhựt Tảo (giao giữa ĐT 832 và ĐT 833B)	DGT	0,57	0,28	0,29	Xã Tân Bình	Chưa bố trí được nguồn vốn
12	Nâng cấp, mở rộng nút giao ngã tư Tân Phước Tây (ĐT 832 và Hương lộ 25)	DGT	0,61	0,25	0,36	Xã Tân Phước Tây	Chưa bố trí được nguồn vốn
13	Khu đô thị sinh thái xã Nhựt Ninh	ONT	126,00		126,00	Xã Nhựt Ninh	Hủy; vì không còn nhu cầu thực hiện
14	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Bình Lãng)	ONT	0,07		0,07	Xã Bình Lãng	Quá 03 năm,

2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Nguyên nhân các chỉ tiêu loại đất thực hiện còn thấp và 68 công trình dự án chưa thực hiện được trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 là do các nguyên nhân chủ quan và khách quan:

- Năm 2023 đang trong thời kỳ khắc phục và phục hồi hậu quả kinh tế do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 do đó kinh tế còn gặp nhiều khó khăn.

- Do ảnh hưởng của xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina dẫn đến cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt; tổng cầu suy yếu; các nền kinh tế lớn đối mặt với tăng trưởng thấp; thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Do đó ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế thế giới nói chung trong đó có Việt Nam nói riêng. Một số thị trường xuất khẩu lớn bị thu hẹp, nhu cầu tiêu

dùng giảm mạnh do lạm phát, suy giảm kinh tế, đã có tác động tiêu cực nhất định, cả trực tiếp và gián tiếp đến tình hình kinh tế nước ta.

- Do ảnh hưởng chung của chính sách tiền tệ và thị trường bất động sản đang trong giai đoạn đóng băng ảnh hưởng đến việc bán đấu giá cơ sở nhà đất của huyện.

- Đối với các công trình dự án thực hiện theo nguồn vốn nhà nước (đầu tư công) còn chậm do nguyên nhân:

+ Các dự án đăng ký trong kế hoạch 2023 chưa được giải ngân vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng và thi công ảnh hưởng lớn đến việc triển khai thực hiện vì vậy phải chuyển tiếp sang năm 2024.

+ Công tác thu ngân sách nhà nước còn gặp nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư cho phát triển còn nhiều hạn chế; một số công trình khởi công mới chưa được triển khai thực hiện do chưa được phân bổ, bố trí vốn.

- Đối với các dự án ngoài ngân sách: Tỷ lệ giải ngân còn chậm, chưa đạt theo yêu cầu đề ra, nguyên nhân do các tháng đầu năm các chủ đầu tư chủ yếu giải ngân kế hoạch vốn của các dự án chuyển tiếp.

- Giá đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện một số dự án đầu tư theo quy định của nhà nước còn thấp, chưa tạo được sự đồng thuận trong nhân dân. Dẫn đến khó khăn trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Năng lực tài chính của chủ đầu tư còn hạn chế, chưa chủ động được nguồn vốn. Một số công trình đã có chủ trương đầu tư nhưng chưa được bố trí nguồn vốn để thực hiện hoặc đã được bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng nhưng không đủ để thực hiện tất cả các hạng mục công trình dẫn đến dự án bị chậm tiến độ.

- Năng lực quản lý của nhà đầu tư còn hạn chế: Không hoàn thành các thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường theo quy định của pháp luật dẫn đến chậm hoặc phải hủy bỏ dự án; không dự tính được các hạng mục và chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Sự phối hợp giữa chủ đầu tư và các bên liên quan chưa chặt chẽ, thiếu kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các công trình.

**** Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024***

Qua quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tân Trụ đã đúc kết được một số bài học kinh nghiệm cơ bản để tổ chức thực hiện tốt hơn kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

- Đề nghị các cấp, các ngành trong huyện, tỉnh quan tâm đăng ký những công trình dự án đã có chủ trương, đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 của huyện Tân Trụ đầy đủ và đúng thời gian quy định, đảm bảo chất lượng.

- Cần tập trung bố trí vốn hoàn thành các dự án chuyển tiếp; bố trí vốn cho các dự án, công trình trọng điểm (giao thông, y tế, giáo dục...), các dự án có khả năng hấp thụ vốn và giải ngân tốt, không bố trí vốn cho các dự án mới khi chưa bảo đảm đủ thủ tục đầu tư để khởi công theo quy định.

- Tập trung quyết liệt triển khai công tác đầu tư và giải ngân ngay từ ngày đầu, tháng đầu tiên của năm 2024, tránh tình trạng dồn giải ngân vào cuối năm làm chậm tiến độ dự án, giảm hiệu quả vốn đầu tư công, phải thực hiện điều chỉnh kế hoạch nhiều lần trong năm.

- Gắn việc quản lý, sử dụng đất với cải tạo, bảo vệ đất và tổ chức sản xuất, khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả đối với mọi mục đích sử dụng đất.

- Trong quá trình thực hiện nếu có những bất hợp lý cần đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính khả thi của phương án.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Do kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Long An chưa được phê duyệt vì vậy chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ được căn cứ theo Chỉ tiêu sử dụng đất được phê duyệt tại Quyết định số 12111/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Tân Trụ.

**Bảng 10: Chỉ tiêu phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
tại huyện Tân Trụ**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng(+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích đất tự nhiên		10.635,59	100,00	10.635,59	100,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	7.528,99	70,79	6.804,03	63,97	-724,96
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.368,41	59,88	5.249,00	49,35	-1119,41

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng(+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	6.368,41	59,88	5.249,00	49,35	-1119,41
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	121,88	1,15	80,00	0,75	-41,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	676,07	6,36	1.151,90	10,83	475,83
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	333,55	3,14	295,94	2,78	-37,61
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	29,08	0,27	27,19	0,26	-1,89
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.106,60	4,51	3.831,56	36,03	724,96
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1,37	0,01	3,70	0,03	2,33
2.2	Đất an ninh	CAN	0,93	0,01	39,82	0,37	38,89
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	118,74	1,12	119,20	1,12	0,46
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	171,50	1,61	171,50
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,19	0,06	21,66	0,20	15,47
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	36,59	0,34	55,45	0,52	18,86
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	416,56	3,92	682,10	6,41	265,54
-	Đất giao thông	DGT	324,94	3,06	484,11	4,55	159,17
-	Đất thủy lợi	DTL	2,49	0,02	18,26	0,17	15,77
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,14	0,04	15,98	0,15	11,84
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,15	0,04	8,02	0,08	3,87
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	26,81	0,25	57,89	0,54	31,08
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	2,23	0,02	15,23	0,14	13,00
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1,29	0,01	3,00	0,03	1,71
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,64	0,01	0,64	0,01	-
-	Đất có di tích lịch sử lịch sử - văn hóa	DDT	5,71	0,05	10,32	0,10	4,61
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,26	0,06	6,3	0,06	0,04
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	36,70	0,35	50,49	0,47	13,79

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng(+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	10,00	0,09	10,00
-	Đất chợ	DCH	1,21	0,01	1,87	0,02	0,66
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,69	0,02	3,93	0,04	2,24
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-	-	11,07	0,10	11,07
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.437,00	13,51	1.606,37	15,10	169,37
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	83,21	0,78	137,74	1,30	54,53
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,19	0,11	13,00	0,12	0,81
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,17	0,001	0,17	0,001	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	7,11	0,07	8,61	0,08	1,50
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	SON	978,17	9,20	950,55	8,94	-27,62
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,68	0,06	6,68	0,06	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tân Trụ năm 2024 và nhu cầu sử dụng đất của các sở, ban, ngành, nhu cầu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tân Trụ được xác định như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2024 là 7.088,35 ha, giảm 415,00 ha so với hiện trạng đất năm 2023, chiếm 66,65% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện.

- Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2024 là 3.547,24 ha, tăng 415,00 ha so với hiện trạng đất năm 2023, chiếm 33,35% tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện.

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Trong năm 2023 có 68 công trình dự án đang thực hiện và chưa thực hiện (14 công trình đang thực hiện và 52 công trình chưa thực hiện) có nhu cầu

chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 do đã có chủ trương đầu tư, đã xác định được nguồn vốn cụ thể như sau:

- Đất an ninh: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,36 ha;
- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 171,50 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 2,96 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 14,52 ha;
- Đất giao thông: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 12,66 ha;
- Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,95 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,08 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 3,80 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,93 ha;
- Đất có di tích lịch sử, văn hóa: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,66 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,45 ha;
- Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,04 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,13 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 0,20 ha;

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 111,87 ha;

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2023 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2024 là 45,86 ha.

Bảng 11: Danh mục các công trình dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sang năm kế hoạch 2024

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
I	ĐẤT AN NINH					
1	Bến thủy nội địa	CAN	0,36		0,36	TT Tân Trụ
II	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP					
2	Cụm công nghiệp Tân Bình 1	SKN	45,00		45,00	Xã Tân Bình
3	Cụm công nghiệp Tân Bình 2	SKN	45,00		45,00	Xã Tân Bình
4	Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến	SKN	40,00		40,00	Xã Tân Bình
5	Cụm công nghiệp An Long	SKN	41,50		41,50	Xã Tân Bình
III	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ					
6	Bãi vật liệu xây dựng	TMD	0,11		0,11	Xã Bình Tịnh
7	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,40		0,40	Xã Bình Tịnh
8	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,46		0,46	Xã Bình Tịnh
9	Quy hoạch cây xăng	TMD	0,41		0,41	Xã Bình Tịnh
10	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,21		0,21	Xã Lạc Tấn
11	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,45		0,45	Xã Đức Tân
12	Nhà trưng bày - Xây kho chứa gạo và các nông sản khác	TMD	0,27		0,27	Xã Quê Mỹ Thạnh
13	Kho chứa hàng nông sản	TMD	0,65		0,65	Xã Tân Bình
IV	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP					
14	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,74		0,74	Xã Tân Bình

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
15	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,21		0,21	Xã Bình Lăng
16	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,16		0,16	Xã Bình Tịnh
17	Cơ sở gia công đóng gói gạo, nông sản	SKC	0,58	0,40	0,18	Xã Lạc Tấn
18	Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài	SKC	1,22		1,22	Xã Bình Lăng
		SKC	0,60		0,60	Xã Lạc Tấn
19	Công ty TNHH MTV Sao Vàng	SKC	1,43	0,57	0,86	Xã Quê Mỹ Thạnh
20	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,45		0,45	Xã Quê Mỹ Thạnh
21	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,80		0,80	Xã Bình Tịnh
22	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	9,30		9,30	Xã Nhựt Ninh
V	ĐẤT GIAO THÔNG					
23	Nâng cấp mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường kênh Thanh Phong)	DGT	1,80		1,80	Xã Bình Lăng
			0,10		0,10	Xã Bình Tịnh
24	Nâng cấp mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn đường kênh Thanh Phong đến ranh TP Tân An)	DGT	0,77		0,77	Xã Bình Lăng
			0,67		0,67	Xã Lạc Tấn
25	Đường kết nối Từ đường Nguyễn Văn Mỹ Đến ĐT 833B	DGT	0,50		0,50	Bình Lăng, Bình Tịnh
			1,40		1,40	Xã Lạc Tấn
26	Đường từ ĐT 833 đến đường Cao Thị Mai	DGT	0,60		0,60	Xã Bình Tịnh
			0,20		0,20	Xã Bình Trinh Đông
27	Mở rộng đường Cầu Dừa	DGT	0,33		0,33	Xã Đức Tân
			0,63	0,47	0,16	Xã Nhựt Ninh

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
28	Đường GTNT (điểm đầu thửa 591 tờ 6, điểm cuối thửa 206 tờ 11 Mỹ Bình cũ)	DGT	0,68	0,46	0,22	Xã Tân Bình
29	Mở rộng đường Cầu Đình	DGT	0,70	0,35	0,35	Xã Nhựt Ninh
30	Mở rộng đường Cầu Bà Tổng	DGT	1,40	0,80	0,60	Xã Nhựt Ninh
31	Đường vào khu vực ông Phan Văn Cò- 3 Triều ấp Bình Tây	DGT	0,44	0,24	0,20	Xã Bình Trinh Đông
32	Mở rộng đường Phạm Công Thượng nối liền Huyện lộ Cao Thị Mai và Huyện Lộ Đình	DGT	0,70	0,30	0,40	Xã Bình Trinh Đông
33	Mở rộng đường Nguyễn Văn Vịnh (giai đoạn 1 từ Huyện lộ Đình)	DGT	0,40	0,20	0,20	Xã Bình Trinh Đông
34	Mở rộng đường Nguyễn Văn Hai	DGT	0,91	0,39	0,52	Xã Bình Trinh Đông
35	Mở rộng đường Nguyễn Thị Lầu	DGT	2,05	1,64	0,41	Xã Quê Mỹ Thạnh
36	Mở rộng đường Bạch Thị Năm	DGT	1,50	1,10	0,40	Xã Quê Mỹ Thạnh
37	Mở rộng đường Huỳnh Ngọc Xinh	DGT	1,60	1,00	0,60	Xã Quê Mỹ Thạnh
38	Đường GTNT ấp 2	DGT	0,20		0,20	Xã Lạc Tấn
39	Nút giao ngã tư Lạc Tấn	DGT	0,06		0,06	Xã Lạc Tấn
40	Nâng cấp, mở rộng đường Bàn Cao	DGT	3,67	2,00	1,67	Xã Tân Phước Tây
VI	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG					
41	Trạm điện 110KV	DNL	0,80		0,67	Xã Bình Trinh Đông
					0,13	Xã Tân Phước Tây

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
42	Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV	DNL	0,15		0,15	Xã Tân Bình
VII	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ Y TẾ					
43	Trung tâm y tế huyện Tân Trụ (hoàn thiện thủ tục cấp GCN)	DYT	2,10	2,10		TT Tân Trụ
44	Trạm y tế	DYT	0,08		0,08	TT Tân Trụ
VIII	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO					
45	Trường THPT Tân Trụ	DGD	3,46		3,46	Xã Bình Tịnh
			0,14		0,14	TT Tân Trụ
46	Trường mẫu giáo Bình Trinh Đông	DGD	0,20		0,20	Xã Bình Trinh Đông
IX	ĐẤT XÂY DỰNG THỂ DỤC THỂ THAO					
47	Sân thể thao	DTT	0,93		0,93	Xã Bình Trinh Đông
IX	ĐẤT DI TÍCH LỊCH SỬ					
48	Di tích Đám Lá Tối Trời (Giai đoạn 1)	DDT	0,66		0,66	Xã Nhựt Ninh
X	ĐẤT CƠ SỞ TÍN NGƯỠNG					
49	Mở rộng miếu ông Bàn Qùy	TIN	0,85	0,40	0,45	Xã Nhựt Ninh
XI	ĐẤT CƠ SỞ TÔN GIÁO					
50	Mở rộng Tịnh Thất Nhựt Minh	TON	0,04		0,04	Xã Tân Bình
XII	ĐẤT SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG					
51	Nhà văn hoá ấp Bình An	DSH	0,13		0,13	Xã Bình Lăng
XIII	ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN					
52	UBND xã Bình Tịnh (hoàn thiện thủ tục cấp GCN)	TSC	0,29	0,29		Xã Bình Tịnh

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm
53	UBND xã Bình Trinh Đông (hoàn thiện thủ tục cấp GCN)	TSC	0,30	0,30		Xã Bình Trinh Đông
54	Đất trụ sở cơ quan	TSC	0,20		0,20	Xã Lạc Tấn
XIV	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN					
55	Khu tái định cư	ONT	11,26		11,26	Xã Tân Bình
56	Khu tái định cư Cụm công nghiệp Tân Bình 1, 2	ONT	10,00		10,00	Xã Tân Bình
57	Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây	ONT	275,00		275,00	Xã Tân Phước Tây
58	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã An Nhứt Tân)	ONT	3,00		3,00	Xã Tân Bình
59	Đấu giá giao quyền sử dụng đất (thửa 89 tờ 20)	ONT	0,07		0,07	Xã Quê Mỹ Thạnh
60	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (đất nuôi trồng thủy sản)	ONT	0,64		0,64	Xã Bình Tịnh
61	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Nhứt Ninh)	ONT	0,31		0,31	Xã Nhứt Ninh
XV	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
62	Khu dân cư TT Tân Trụ - Đức Tân	ODT	59,00		59,00	TT Tân Trụ
63	Khu dân cư TT Tân Trụ	ODT	20,62		20,62	TT Tân Trụ
64	Quy hoạch khu tái định cư đường ĐT 827E	ODT	10,00		10,00	TT Tân Trụ
65	Khu dân cư chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Tân Trụ	ODT	12,87		12,87	TT Tân Trụ
66	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 454 tờ 24)	ODT	0,44		0,44	TT Tân Trụ
67	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 492 tờ 26)	ODT	0,01		0,01	TT Tân Trụ
68	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 299 tờ 8)	ODT	0,01		0,01	TT Tân Trụ

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Ngoài các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa thực hiện, chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Tân Trụ xác định có 21 công trình, dự án đăng ký bổ sung mới vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 như sau:

- Đất an ninh: có 3 công trình đăng ký mới trong năm 2024 với diện tích đăng ký 0,50 ha;
- Đất thương mại dịch vụ đăng ký mới trong năm 2024 có 1 công trình, dự án với diện tích đăng ký mới là 0,20 ha;
- Đất xây dựng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 03 công trình, dự án với diện tích đăng ký mới 0,73 ha
- Đất giao thông đăng ký mới trong năm 2024 có 4 công trình, dự án với diện tích đăng ký mới là 63,57 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đăng ký mới trong năm 2024 có 3 công trình, dự án với diện tích đăng ký mới là 0,55 ha;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa đăng ký mới trong năm 2024 có 1 công trình, dự án với diện tích đăng ký mới là 8,0 ha;
- Đất ở tại nông thôn có 5 công trình đăng ký mới với tổng diện tích đăng ký mới là 20,30 ha
- Đất ở tại đô thị có 1 công trình dự án đăng ký mới với tổng diện tích đăng ký mới 3,0 ha.

Bảng 12: Danh mục các công trình dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính: ha

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Ghi chú
I	ĐẤT AN NINH						
1	Xây dựng trụ sở công an xã Bình Lăng	CAN	0,11		0,11	Xã Bình Lăng	
2	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Bình	CAN	0,29		0,29	Xã Tân Bình	
3	Xây dựng trụ sở công an xã Đức Tân	CAN	0,10		0,10	Xã Đức Tân	

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Ghi chú
II	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ						
4	Đất thương mại dịch vụ	TMD	0,20		0,20	Xã Tân Bình	Đăng ký lại do quá 03 năm
III	ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP						
5	Mở rộng doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp Thành	SKC	0,48		0,48	Xã Bình Lãng	Đăng ký lại do quá 03 năm
6	Hộ kinh doanh VIO	SKC	0,25		0,25	Xã Bình Trinh Đông	Đăng ký lại do quá 03 năm
7	Nhà máy say lúa, sây lúa, tách màu	SKC	2,00	2,00		Xã Quê Mỹ Thạnh	Đăng ký lại do quá 03 năm
IV	ĐẤT GIAO THÔNG						
8	Đường tỉnh 827E	DGT	10,70		10,70	Xã Nhựt Ninh	Đăng ký lại do quá 03 năm
		DGT	16,43		16,43	Xã Đức Tân	
		DGT	13,68		13,68	TT Tân Trụ	
		DGT	19,89		19,89	Xã Tân Phước Tây	
9	Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ	DGT	2,60		2,60	Xã Tân Bình	Đăng ký lại do quá 03 năm
10	Mở rộng đường Tám Tới	DGT	0,15		0,15	Xã Tân Phước Tây	Đăng ký lại do quá 03 năm
11	Mở rộng đường Miếu Điền	DGT	0,12		0,12	Xã Tân Phước Tây	Đăng ký lại do quá 03 năm

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Ghi chú
V	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO						
12	Mở rộng trường mầm non Mỹ Bình	DGD	0,55	0,30	0,25	Xã Tân Bình	
13	Mở rộng nhà trẻ - Mẫu giáo	DGD	0,10		0,10	Xã Nhựt Ninh	
14	Mở rộng trường mẫu giáo	DGD	0,20		0,20	Xã Bình Lăng	
VII	ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA, NHÀ TANG LỄ, NHÀ HỎA TÁNG						
15	Nghĩa trang xã Đức Tân	NTD	8,00		8,00	Xã Đức Tân	
IX	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		0,07		0,07		
16	Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Bình Lăng)	ONT	0,07		0,07	Xã Bình Lăng	Đăng ký lại do quá 03 năm
17	Đấu giá giao quyền sử dụng đất (thửa 82, 83 tờ 12)	ONT	0,06		0,06	Xã Bình Lăng	
18	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 156 tờ bản đồ số 12)	ONT	0,10		0,10	Xã Nhựt Ninh	
19	Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 23 tờ bản đồ số 10)	ONT	0,07		0,07	Xã Tân Phước Tây	
20	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân	ONT	20,00		20,00	Các xã trên địa bàn huyện	
IX	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ						

TT	Danh mục dự án	Mã QH	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm	Ghi chú
21	Chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân	ODT	0,84		0,84	TT Tân Trụ	

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các ngành, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện. Chỉ tiêu sử dụng các loại đất trên địa bàn huyện năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

- Đất nông nghiệp 7.088,35 ha, chiếm 66,65% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 3.547,24 ha, chiếm 33,35% tổng diện tích tự nhiên.

Cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện theo phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tân Trụ được thể hiện:

Bảng 13: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 tại huyện Tân Trụ

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH đến 2030	HT năm 2023	KH năm 2024	2024/2023	2024/2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)-(4)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		10.635,59	10.635,59	10.635,59	-	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.804,03	7.503,35	7.088,35	-415,00	-284,31
1.1	Đất trồng lúa	LUA	5.249,00	6.345,23	6.006,56	-338,67	-757,56
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>5.249,00</i>	<i>6.345,23</i>	<i>6.006,56</i>	<i>-338,67</i>	<i>-757,56</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	80,00	121,48	96,24	-25,24	-16,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.151,90	673,85	643,01	-30,84	508,89
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	295,94	333,28	313,19	-20,09	-17,25
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	27,19	29,51	29,35	-0,16	-2,16
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.831,56	3.132,24	3.547,24	415,00	284,31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3,70	1,37	1,37	-	2,33
2.2	Đất an ninh	CAN	39,82	0,93	1,79	0,86	38,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	119,20	118,74	118,74	-	0,46
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	171,50	-	171,50	171,50	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	21,66	6,66	9,77	3,11	11,89
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	55,45	36,59	51,84	15,25	3,61

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ, tỉnh Long An

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QH đến 2030	HT năm 2023	KH năm 2024	2024/2023	2024/2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)	(8)=(6)-(4)
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	682,10	421,54	508,83	87,29	173,27
	Đất giao thông	DGT	484,11	329,28	401,88	72,60	82,23
	Đất thủy lợi	DTL	18,26	2,99	2,99	-	15,27
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,98	4,14	5,07	0,93	10,91
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	8,02	4,27	4,35	0,08	3,67
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	57,89	26,81	30,65	3,84	27,24
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,23	2,23	2,23	-	13,00
	Đất công trình năng lượng	DNL	3,00	1,29	2,74	1,45	0,26
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,64	0,64	0,64	-	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	10,32	5,71	6,37	0,66	3,95
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	6,3	6,26	6,30	0,04	-
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	50,49	36,71	44,40	7,69	6,09
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	10,00	-	-	-	10,00
	Đất chợ	DCH	1,87	1,21	1,21	-	0,66
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,93	1,74	1,79	0,05	2,14
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	11,07	-	-	-	11,07
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.606,37	1.465,63	1.587,03	121,40	19,34
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	137,74	84,73	121,38	36,65	16,36
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,00	12,19	11,57	-0,62	1,43
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,17	0,17	0,17	-	-
2.14	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	8,61	7,06	7,51	0,45	1,10
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	SON	950,55	968,21	947,27	-20,94	3,28
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,68	6,68	6,68	-	-

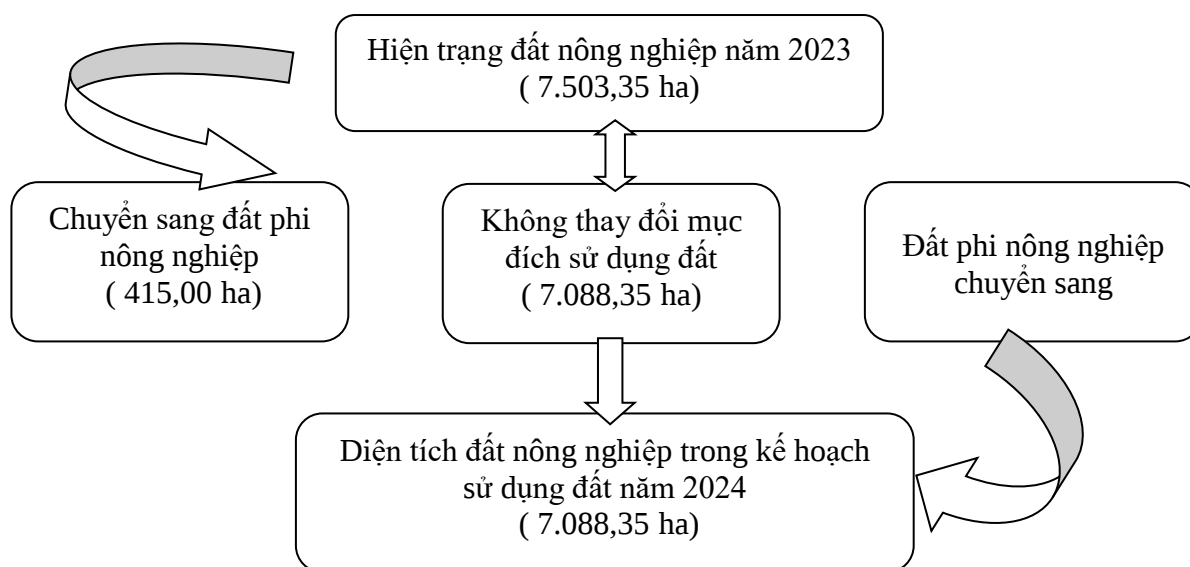
(Chi tiết tại biểu 06/CH: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 tại huyện Tân Trụ)

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

3.3.1. Đất nông nghiệp

Quỹ đất nông nghiệp của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 7.088,35 ha, giảm 415,00 ha so với hiện trạng năm 2023. Chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

Biểu đồ 01: Chu chuyển quỹ đất nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024



3.3.1.1. Đất trồng lúa

Diện tích đất trồng lúa theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 6.006,56 ha, giảm 338,67 ha so với hiện trạng năm 2023, do chuyển sang sử dụng cho các mục đích sau:

- Đất cụm công nghiệp : 110,33 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 2,92 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 14,16 ha;
- Đất giao thông : 60,86 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa : 0,90 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 4,05 ha;
- Đất công trình năng lượng : 1,45 ha;
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa : 0,46 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng : 8,00 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 105,01 ha;

- Đất ở tại đô thị : 30,13 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,10 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng : 0,30 ha.

Diện tích đất trồng lúa giảm do kế hoạch sử dụng đất năm 2024 dự kiến thu hồi, chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Đất thương mại dịch vụ xã Bình Tịnh; Cây xăng tại xã Bình Tịnh; Nhà trưng bày - Xây kho chứa gạo và các nông sản khác; Đất thương mại dịch vụ xã Tân Bình; Kho chứa hàng nông sản tại xã Tân Bình; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Tân Bình; Mở rộng doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp Thành; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh tại xã Bình Lăng; Hộ kinh doanh VIO; Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài; Công ty TNHH MTV Sao Vàng; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong); Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn đường Thanh Phong đến ranh TP Tân An); Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ; Mở rộng đường Tám Tới; Mở rộng đường Miếu Điền; Đường vào khu vực ông Phan Văn Cò - 3 Triều ấp Bình Tây; Nâng cấp, mở rộng đường Bàn Cao...

3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 96,24 ha, giảm 25,24 ha so với hiện trạng năm 2023 trong đó:

Diện tích giảm 25,24 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất cụm công nghiệp : 21,50 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 0,11 ha;
- Đất giao thông : 1,13 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 2,00 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,50 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm giảm do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến, thu hồi, chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm để thực hiện công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Bình Tịnh; Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ; Mở rộng đường Miếu Điền; Khu dân cư TT Tân Trụ - Đức Tân...

3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm:

Diện tích đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 643,01 ha, giảm 30,84 ha so với hiện trạng năm 2023.

Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất:

- Đất cụm công nghiệp : 8,58 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 0,20 ha;
- Đất giao thông : 9,04 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 10,32 ha;
- Đất ở tại đô thị : 2,50 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,10 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng : 0,10 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến, thu hồi đất trồng cây lâu năm để thực hiện công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Mở rộng Công ty TNHH MTV Bảo Đài; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong); Đường từ ĐT 833 đến đường Cao Thị Mai; Đường nối đường tỉnh 833C đến đường Đăng Mỹ; Mở rộng đường Cầu Dừa; Mở rộng đường Tám Tới; Mở rộng đường Miếu Điền; Đường GTNT (điểm đầu thửa 591 tờ 6, điểm cuối thửa 206 tờ 11 Mỹ Bình cũ); Mở rộng đường Nguyễn Thị Lầu; Mở rộng đường Bạch Thị Năm; Đường GTNT ấp 2; Nâng cấp, mở rộng đường Bần Cao; Trường THPT Tân Trụ; Khu tái định cư tại xã Tân Bình; Khu tái định cư cụm công nghiệp Tân Bình 1, 2; Khu dân cư TT Tân Trụ 2...

3.3.1.4. Đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện là 313,19 ha, giảm 20,09 ha so với năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ : 0,11 ha;
- Đất giao thông : 5,08 ha;
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa : 0,20 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 11,65 ha;
- Đất ở tại đô thị : 3,00 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng : 0,05 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm do kế hoạch 2024 dự kiến thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản để thực hiện các công trình, dự án: Bãi vật liệu xây dựng xã Bình Tịnh; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Công Bần đến đường Thanh Phong); Mở rộng đường Cầu Dừa; Mở rộng đường Nguyễn Văn Vịnh (giai đoạn 1 từ Huyện lộ Đình); Di tích Đám Lá Tỏi Trời...

3.3.1.5. Đất nông nghiệp khác:

Diện tích đất nông nghiệp khác của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 29,35 ha, giảm 0,16 ha so với hiện trạng năm 2023.

Diện tích đất nông nghiệp khác giảm 0,16 ha do chuyển sang các loại đất:

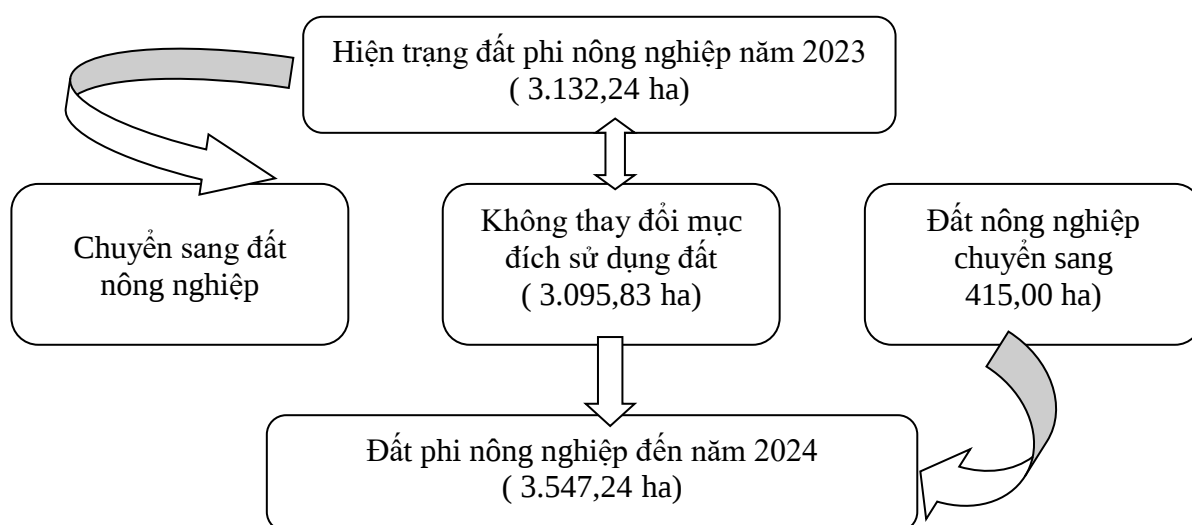
- Đất ở tại nông thôn : 0,16 ha.

Diện tích đất nông nghiệp khác giảm do kế hoạch 2024 dự kiến thu hồi, chuyển mục đích đất nông nghiệp khác để thực hiện các công trình, dự án: Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây...

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 3.547,24 ha, thực tăng 415,00 ha so với hiện trạng năm 2023. Chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp như sau:

Biểu đồ 02: Chu chuyển quỹ đất phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024



3.3.2.1. Đất quốc phòng

Diện tích đất quốc phòng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,37 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

3.3.2.2. Đất an ninh

Diện tích đất an ninh của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,79 ha, tăng 0,86 ha so với hiện trạng năm 2023

Diện tích đất an ninh tăng được lấy từ các loại đất:

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,08 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,02 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,40 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch : 0,36 ha.

Diện tích đất an ninh tăng do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Bến thủy nội địa tại thị trấn Tân Trụ; Trụ sở công an xã Bình Lăng; Trụ sở công an xã Tân Bình; Trụ sở công an xã Đức Tân.

3.2.2.3. Đất khu công nghiệp

Diện tích đất khu công nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 118,74 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023

3.3.2.4. Đất cụm công nghiệp

Diện tích cụm công nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 171,50 ha, tăng 171,50 ha so với năm 2023, diện tích tăng lên được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa : 110,33 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 21,50 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 8,58 ha;
- Đất giao thông : 3,70 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 7,52 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch : 19,87 ha.

Diện tích đất cụm công nghiệp tăng do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long.

3.3.2.3. Đất thương mại, dịch vụ

Diện tích đất thương mại, dịch vụ theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là

9,77 ha, tăng 3,11 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023, diện tích tăng lên được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa : 2,92 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,11 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,08 ha.

Diện tích đất thương mại dịch vụ tăng do trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện công trình, dự án: Bãi vật liệu xây dựng xã Bình Tịnh; Đất thương mại dịch vụ xã Bình Tịnh; Cây xăng xã Bình Tịnh; Đất thương mại dịch vụ xã Lạc Tấn; Đất thương mại dịch vụ xã Đức Tân; Nhà trưng bày - Xây kho chứa gạo và các nông sản khác xã Quê Mỹ Thạnh...

3.3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 51,84 ha, tăng 15,25 ha so với diện tích năm 2023.

Diện tích tăng 15,25 ha được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 14,16 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 0,11 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,20 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng : 0,10 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,68 ha.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Tân Bình; Mở rộng doanh nghiệp tư nhân Đại Hiệp Thành tại Bình Lăng; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại xã Bình Lăng, xã Bình Tịnh; Nhà máy say lúa, sấy lúa, tách màu tại Quê Mỹ Thạnh; Công ty TNHH MTV Sao Vàng tại Quê Mỹ Thạnh; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại Quê Minh Thạnh; Bình Tịnh, Nhựt Ninh...

3.3.2.5. Đất phát triển hạ tầng

Diện tích đất phát triển hạ tầng của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 508,83 ha, thực tăng 87,29 ha so với hiện trạng năm 2023.

Trong đó:

* *Đất giao thông*

Diện tích đất giao thông năm 2024 là 401,88 ha thực tăng 72,60 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích tăng 77,42 ha được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa	: 60,86 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 1,13 ha;
- Đất trồng cây lâu năm	: 9,04 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 5,08 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	: 0,21 ha;
- Đất ở tại nông thôn	: 0,76 ha;
- Đất ở tại đô thị	: 0,10 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	: 0,04 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch	: 0,20 ha.

Diện tích đất giao thông tăng do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án về đất giao thông: Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong); Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn đường Thanh Phong đến ranh TP Tân An); Đường kết nối Từ đường Nguyễn Văn Mỹ Đến ĐT 833B; Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Mỹ (từ ĐT 833 đến đường Cao Thị Mai); Mở rộng đường Cầu Dừa; Đường GTNT (điểm đầu thửa 591 tờ 6, điểm cuối thửa 206 tờ 11 Mỹ Bình cũ); Mở rộng đường Cầu Đình; Mở rộng đường Cầu Bà Tổng; Đường vào khu vực ông Phan Văn Cò - 3 Triều ấp Bình Tây; Mở rộng đường Nguyễn Văn Vịnh (giai đoạn 1 từ Huyện lộ Đình); Mở rộng đường Nguyễn Văn Hai; Mở rộng đường Nguyễn Thị Lầu; Mở rộng đường Bạch Thị Năm; Mở rộng đường Huỳnh Ngọc Xinh; Đường GTNT ấp 2; Nút giao ngã tư Lạc Tấn; Nâng cấp, mở rộng đường Bàn Cao...

Diện tích giảm 4,82 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất cụm công nghiệp	: 3,70 ha;
- Đất ở tại nông thôn	: 0,50 ha;
- Đất ở tại đô thị	: 0,62 ha.

Diện tích đất giao thông giảm do trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 thu hồi đất giao thông thực hiện các công trình, dự án: Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long.

** Đất thủy lợi*

Diện tích đất thủy lợi theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 2,99 ha, ổn định diện tích so với diện tích hiện trạng năm 2023.

** Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2024 là 5,07 ha, tăng 0,93 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 0,90 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,03 ha.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện công trình, dự án: Sân thể thao văn hóa xã Bình Trinh Đông.

** Đất xây dựng cơ sở y tế*

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế năm 2024 là 4,35 ha, tăng 0,08 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023. Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế tăng được lấy từ đất sinh hoạt cộng đồng để thực hiện công trình Trạm Y tế thị trấn Tân Trụ.

** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2024 là 30,65 ha thực tăng 3,84 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

Diện tích tăng 4,05 ha được lấy từ đất trồng lúa

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tăng do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Trường THPT Tân Trụ; Trường mẫu giáo Bình Trinh Đông; Mở rộng trường mẫu giáo Tân Bình (Mỹ Bình); Mở rộng nhà trẻ - Mẫu giáo tại xã Nhựt Ninh; Mở rộng trường mẫu giáo tại xã Bình Lăng.

Diện tích giảm 0,21 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất an ninh : 0,08 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,13 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm do kế hoạch sử dụng đất 2024 dự kiến thu hồi, chuyển mục đích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo để thực hiện công trình, dự án: Trụ sở công an xã Đức Tân; Nhà văn hoá ấp Bình An tại xã Bình Lăng.

** Đất công trình năng lượng*

Diện tích đất công trình năng lượng năm 2024 là 2,74 ha, tăng 1,45 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa để thực hiện công trình: Trạm điện 110KV; Công trình các lộ ra 110kV trạm biến áp 220kV.

** Đất công trình bưu chính viễn thông*

Diện tích đất công trình năng lượng năm 2024 là 0,64 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

** Đất có di tích lịch sử - văn hóa*

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa năm 2024 là 6,37 ha, tăng 0,66 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng thêm được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 0,46 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,20 ha.

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng do kế hoạch sử dụng đất năm 2024 dự kiến thực hiện dự án: Di tích Đám Lá Tối Trời tại xã Nhựt Ninh.

** Đất cơ sở tôn giáo*

Diện tích đất cơ sở tôn giáo năm 2024 là 6,30 ha, tăng 0,04 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023. Diện tích đất cơ sở tôn giáo tăng thêm được lấy từ đất ở tại nông thôn để thực hiện công trình: Mở rộng Tịnh Thất Nhựt Minh.

** Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2024 là 44,40 ha, thực tăng 7,69 ha so với hiện trạng năm 2023 trong đó:

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 0,31 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp : 0,10 ha;
- Đất giao thông : 0,21 ha.

Đất nghĩa trang giảm do thu hồi để thực hiện công trình: Đất sản xuất kinh doanh (VP.Milk) tại Tân Phước Tân; Đường tỉnh 827E

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng 8,00 ha được lấy từ đất chuyên trồng lúa nước để thực hiện công trình: Nghĩa trang xã Đức Tân.

** Đất chợ*

Diện tích đất chợ theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 1,21 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2023.

3.3.2.7. Đất sinh hoạt cộng đồng

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2024 là 1,79 ha, thực tăng 0,05 ha so với hiện trạng năm 2023, trong đó:

- Diện tích tăng 0,13 ha được lấy từ đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo để thực hiện công trình Nhà văn hoá ấp Bình An tại xã Bình Lăng.

- Diện tích giảm 0,08 ha do chuyển sang đất xây dựng cơ sở y tế tại thị trấn Tân Trụ.

3.3.2.9. Đất ở nông thôn

Diện tích đất ở nông thôn năm 2024 là 1.587,03 ha, thực tăng 121,40 ha so với năm 2023. Trong đó:

* Diện tích tăng 130,53 ha do lấy từ các loại đất sau:

- | | |
|-------------------------------|--------------|
| - Đất trồng lúa | : 105,01 ha; |
| - Đất trồng cây hàng năm khác | : 2,00 ha; |
| - Đất trồng cây lâu năm | : 10,32 ha; |
| - Đất nuôi trồng thủy sản | : 11,65 ha; |
| - Đất nông nghiệp khác | : 0,16 ha; |
| - Đất giao thông | : 0,50 ha; |
| - Đất xây dựng trụ sở cơ quan | : 0,38 ha; |
| - Đất sông, ngòi, kênh, rạch | : 0,51 ha. |

Diện tích đất ở nông thôn tăng do kế hoạch năm 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Khu tái định cư tại Tân Bình; Khu tái định cư Cụm công nghiệp Tân Bình 1, 2; Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây; Đấu giá quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã An Nhứt Tân); Đấu giá giao quyền sử dụng đất (thửa 89 tờ 20); Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Bình Lăng); Đấu giá giao quyền sử dụng đất (thửa 82, 83 tờ 12); Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (đất nuôi trồng thủy sản); Đấu giá giao quyền sử dụng đất công (Đất công ích xã Nhứt Ninh); Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trên địa bàn các xã.

* Diện tích giảm 9,13 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất an ninh	: 0,02 ha;
- Đất cụm công nghiệp	: 7,52 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ	: 0,08 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	: 0,68 ha;
- Đất giao thông	: 0,76 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	: 0,03 ha;
- Đất cơ sở tôn giáo	: 0,04 ha.

Diện tích đất ở nông thôn giảm do thu hồi thực hiện các công trình: Đất công an huyện; Cụm công nghiệp Tân Bình 1 (Cụm công nghiệp Mỹ Kim Long); Cụm công nghiệp Tân Bình 2 (Cụm công nghiệp Thanh Yển cũ); Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Cụm công nghiệp An Long; Đường tỉnh 827E; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong); Mở rộng đường Tám Tới; ...

3.3.2.10. Đất ở đô thị

Diện tích đất ở đô thị năm 2024 là 121,38 ha, thực tăng 36,65 ha trong đó:

* Diện tích tăng 36,75 ha do lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa	: 30,13 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 0,50 ha;
- Đất trồng cây lâu năm	: 2,50 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 3,00 ha;
- Đất giao thông	: 0,62 ha.

Diện tích đất ở đô thị tăng do kế hoạch năm 2024 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Khu dân cư TT Tân Trụ - Đức Tân; Khu dân cư chỉnh trang đô thị trung tâm thị trấn Tân Trụ; Khu dân cư TT Tân Trụ; Quy hoạch khu tái định cư đường ĐT 827E; Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 454 tờ 24); Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 492 tờ 26); Đấu giá quyền sử dụng đất công (Thửa 299 tờ 8); Chuyển mục đích đất ở ven lộ (Chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân).

* Diện tích giảm 0,10 ha do chuyển sang:

- Đất giao thông	: 0,10 ha.
------------------	------------

Diện tích đất ở tại đô thị giảm do thu hồi để thực hiện công trình Đường tỉnh 827E.

3.3.2.11. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2024 là 11,57 ha, thực giảm 0,62 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023, trong đó:

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,82 ha, được chuyển sang các loại đất:

- Đất an ninh : 0,40 ha;
- Đất giao thông : 0,04 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,38 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 0,20 ha, được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 0,10 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,10 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng do kế hoạch sử dụng đất năm 2024 dự kiến thực hiện công trình, dự án: Đất trụ sở cơ quan tại xã Lạc Tấn.

3.3.2.12. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 0,17 ha, ổn định diện tích năm 2023.

3.3.2.13. Đất cơ sở tín ngưỡng

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 7,51 ha, tăng 0,45 ha so với hiện trạng năm 2023 được lấy từ các loại đất đất:

- Đất trồng lúa : 0,30 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,10 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,05 ha.

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng tăng do kế hoạch sử dụng đất năm 2024 dự kiến thực hiện công trình, dự án: Mở rộng Miếu ông Bàn Qùy.

3.3.2.14. Đất sông, ngòi, kênh, rạch

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch năm 2024 là 947,27 ha, giảm 20,94 ha so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất an ninh : 0,36 ha;
- Đất cụm công nghiệp : 19,87 ha;
- Đất giao thông : 0,20 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,51 ha.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch năm 2024 giảm do kế hoạch sử dụng đất năm 2024 dự kiến thu hồi đất để thực hiện công trình, dự án: Bền thủy nội địa; Cụm công nghiệp Tân Bình 1; Cụm công nghiệp Tân Bình 2; Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến; Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn Cống Bần đến đường Thanh Phong); Khu đô thị sinh thái xã Tân Phước Tây; Đấu giá giao quyền sử dụng đất (Đất công ích xã An Nhứt Tân)...

3.3.2.15. Đất có mặt nước chuyên dùng

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 năm 2024 là 6,68 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2023.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 415,00 ha. Trong đó:

- + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 338,67 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 25,24 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 30,84 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 20,09 ha;
- + Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,16 ha;
- Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 2,01 ha.

(Chi tiết tại Biểu 07/CH: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ, tỉnh Long An)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024, diện tích các loại đất cần thu hồi cụ thể như sau:

a. Thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 381,41 ha, cụ thể:

- + Đất trồng lúa: 312,99 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 23,13 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 27,85 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 17,28 ha;
- + Đất nông nghiệp khác: 0,16 ha.

b. Thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 36,15 ha, cụ thể:

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 5,34 ha, trong đó:

- Đất giao thông: 4,82 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,21 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 0,31 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,08 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 8,87 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 0,10 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,82 ha;
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch: 20,94 ha.

(Chi tiết tại Biểu 08/CH: Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 huyện Tân Trụ, tỉnh Long An)

3.6. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

*** Đất đô thị**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 tổng diện tích đất đô thị của huyện Tân Trụ là 563,63 ha, chiếm 5,30% diện tích tự nhiên toàn huyện. Diện tích đất đô thị thuộc thị trấn Tân Trụ với cơ cấu các loại đất như sau:

Đất nông nghiệp là 321,06 ha, chiếm 56,96% tổng diện tích đất đô thị.

Đất phi nông nghiệp là 242,57 ha, chiếm 43,04% tổng diện tích đất đô thị.

*** Khu sản xuất nông nghiệp**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 khu vực sản xuất nông nghiệp (bao gồm đất trồng lúa nước và đất trồng cây lâu năm) huyện Tân Trụ có diện tích là 6.649,57 ha, chiếm 62,52% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: thị trấn Tân Trụ 311,87 ha; xã Tân Bình 850,73 ha; xã Bình Lăng 552,96 ha; xã Bình Tịnh 499,00 ha; xã Bình Trinh Đông 647,65 ha; xã Đức Tân 810,90 ha; xã Lạc Tấn 596,52 ha; xã Nhựt Ninh 828,06 ha; xã Quê Mỹ Thạnh 715,23 ha; xã Tân Phước Tây 836,65 ha.

*** Khu du lịch**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 khu du lịch huyện Tân Trụ là 6,37 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện trong đó xã Tân Bình là 5,71 ha; xã Nhựt Ninh 0,66 ha.

*** Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp) của huyện Tân Trụ có diện tích là 290,24 ha, chiếm 2,73% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

*** Khu thương mại - dịch vụ**

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư tiếp tục đầu tư phát triển thị trấn Tân Trụ thành trung tâm hành chính - kinh tế của huyện với các khu vực chức năng chính: khu hành chính, chính trị tập trung; khu trung tâm thương mại, dịch vụ; khu trung tâm thể thao văn hóa; trung tâm y tế giáo dục. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư phát triển theo hướng hiện đại. Đây sẽ là đầu mối tập trung cung cấp dịch vụ cho khu trung tâm hành chính huyện.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 khu thương mại - dịch vụ huyện Tân Trụ có diện tích là 9,77 ha, chiếm 0,09% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, Trong đó: trong đó: thị trấn Tân Trụ 0,29 ha; xã Tân Bình 3,88 ha; xã Bình Lăng 0,61 ha; xã Bình Tịnh 1,70 ha; xã Bình Trinh Đông 0,45 ha; xã Đức Tân 0,57 ha; xã Lạc Tấn 0,79 ha; xã Nhựt Ninh 0,54 ha; xã Quê Mỹ Thạnh 0,87 ha; xã Tân Phước Tây 0,07 ha.

*** Khu dân cư nông thôn**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 khu dân cư nông thôn huyện Tân Trụ có diện tích là 1.765,10 ha, chiếm 16,60% tổng diện tích tự nhiên trong đó: xã Tân Bình 296,55 ha; xã Bình Lăng 170,57 ha; xã Bình Tịnh 114,70 ha; xã Bình Trinh Đông 186,83 ha; xã Đức Tân 233,91 ha; xã Lạc Tấn 193,61 ha; xã Nhựt Ninh 218,84 ha; xã Quê Mỹ Thạnh 141,16 ha; xã Tân Phước Tây 208,93 ha.

*** Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn huyện Tân Trụ có diện tích là 1.637,50 ha, chiếm 15,40% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: xã Tân Bình 273,29 ha; xã Bình Lăng 159,85 ha; xã Bình Tịnh 102,24 ha; xã Bình Trinh Đông 176,25 ha; xã Đức Tân 219,38 ha; xã Lạc Tấn 177,69 ha; xã Nhựt Ninh 204,17 ha; xã Quê Mỹ Thạnh 131,83 ha; xã Tân Phước Tây 192,80 ha.

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 có tổng số 89 công trình, dự án trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất 2023 sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 68 công trình, dự án (14 công trình, dự án đang thực hiện và 52 công trình, dự án chưa thực hiện)

- Đăng ký mới năm 2024 là 21 công trình, dự án

(Chi tiết thể hiện tại biểu 10/CH: Danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ)

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Cơ sở tính toán

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ, tỉnh Long An được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất của Luật Đất đai;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An về ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xây dựng đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Long An;
- Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Long An ban hành Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An;

- Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

- Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/09/2021 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/07/2020 của UBND tỉnh;

- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh Long An về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An;

- Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An;

3.8.2. Phương pháp tính toán

*** Đối với các khoản thu:**

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tân Trụ có khoản thu khi giao đất ở và cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ; sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; cho thuê đất nông nghiệp.

*** Đối với các khoản chi:**

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị.
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn.
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp

3.8.3. Kết quả tính toán

*** Về giá các loại đất:**

Căn cứ xác định đơn giá các loại đất: Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Long An ban hành Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại

đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh; Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/09/2021 của UBND tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/07/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh Long An về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Long An về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 của HĐND tỉnh về quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An.

** Kết quả tính toán*

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện Tân Trụ trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là **135,44 tỷ đồng**.

Bảng 14: Dự kiến các khoản thu chi trong năm kế hoạch 2024

STT	Hạng mục	Thành tiền (Tỷ đồng)
I	TỔNG THU	265,54
1	Thu tiền từ chuyển mục đích đất ở tại nông thôn	64,09
2	Thu tiền từ chuyển mục đích đất ở tại đô thị	89,26
3	Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ	2,05
4	Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh	0,88
5	Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích sản xuất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	109,26
II	TỔNG CHI	130,09
1	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa	125,09
2	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác	0,00
3	Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm	1,14
4	Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	0,89
5	Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn	1,38
6	Kinh phí lập bản vẽ thu hồi đất, giao đất	0,37

STT	Hạng mục	Thành tiền (Tỷ đồng)
7	Chi phí hỗ trợ tái định cư	0,29
8	Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng	0,44
9	Chi phí khác	0,48
CÂN ĐỐI THU - CHI		135,44

Việc dự tính thu chi này được tính toán dựa trên những khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng các khung giá quy định tại các thời điểm đó đối với từng dự án cụ thể.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo năng hạn và xâm nhập mặn nhằm chủ động ngăn mặn, trữ nước ngọt, chủ động tưới phục vụ sản xuất. Tuyên truyền thường xuyên về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn đến các cấp, các ngành, người dân để chủ động dẫn nước ngọt về các cống để bơm nước vào đồng ruộng, các ao hồ để trữ nước.

- Xây dựng các công trình ngăn mặn, trữ ngọt, nạo vét kênh mương nội đồng.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên vùng đất không chủ động tưới, vùng đất có khả năng nhiễm mặn như chuyển sang trồng cây ăn quả, rau màu, nuôi tôm thẻ... *(Đối với vùng đất khô hạn chuyển sang các loại cây trồng có khả năng thích nghi tốt, đem lại hiệu quả kinh tế cao; đối với vùng đất nhiễm mặn chuyển đổi sang thủy sản, trồng trọt kết hợp với thủy sản).*

- Không nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, tích cực cải tạo làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Khi thực hiện các dự án khu, cụm công nghiệp, khu chăn nuôi tập trung, khu dịch vụ du lịch, thương mại phải có giải pháp kỹ thuật, xây dựng các khu xử lý chất thải nhằm giảm thiểu nhiễm môi trường đất, nước, không khí, khu dân cư lân cận cũng như không gian của tỉnh. Tăng cường kiểm tra, có biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với những đơn vị không thực hiện nghiêm túc việc xử lý ô nhiễm môi trường do đơn vị mình gây ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức trong việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.2.1. Giải pháp nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng giáo dục: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đi đôi với đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, coi trọng giáo dục truyền thống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật nhằm phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, đáp ứng xu thế hội nhập, phát triển của đất nước. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đào tạo lao động ở các trình độ; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chính sách khuyến khích đào tạo nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng & triển khai có hiệu quả các chính sách thu hút người tài, người có trình độ, tay nghề cao.

- Đãi ngộ và thu hút nhân tài: Có chính sách thỏa đáng về tiền lương, nhà ở nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện xây dựng và phát triển kinh tế. Ngoài cơ chế chính sách trực tiếp đối với cán bộ, chuyên gia giỏi, cần có các chính sách khuyến khích ưu tiên đối với những người đi cùng (gia đình) để cán bộ, chuyên gia yên tâm công tác.

4.2.2. Giải pháp về vốn đầu tư

Huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch. Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư. Đẩy mạnh việc huy động vốn trong Nhân dân bằng các phương thức tín dụng tài chính và phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”.

*** Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước:**

- Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ kinh tế của huyện. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm chi ngân sách để dành ưu tiên cho đầu tư phát triển.

- Tăng cường thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Xây dựng các dự án có tính khả thi cao để tranh thủ nguồn vốn thông qua các chương trình của Nhà nước như đầu tư thủy lợi, giao thông nông thôn, y tế, giáo dục, văn hóa...

*** Nguồn vốn từ các doanh nghiệp:**

- Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư, nhất là đất đai và có các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp trong huyện, trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng và mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh về tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

* *Nguồn vốn huy động trong dân*: Thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực, làm tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để Nhân dân tự nguyện tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, thủy lợi, nước sạch...) theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

4.3. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất huyện Tân Trụ năm 2024 được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt, sẽ được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật Đất đai.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án. Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của Nhân dân.

- Có chính sách đền bù hợp lý, thỏa đáng đúng theo quy định của Nhà nước khi chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích khác bằng các biện pháp cụ thể như: Đền bù tiền; hỗ trợ được chuyển sang góp vốn với các đơn vị sử dụng đất thực hiện các công trình dự án; đào tạo nghề, sử dụng lao động đối với những người có đất bị thu hồi.

- Xây dựng quy chế đấu giá cho từng phiên đấu giá đất đảm bảo quản lý chặt chẽ hồ sơ đấu giá, tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc công khai minh bạch các thủ tục đấu giá.

- Xây dựng đồng bộ các phương án quy hoạch liên quan đến sử dụng đất: quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch chung cấp xã, quy hoạch chi tiết khu dân cư nông thôn, khu sinh thái, khu văn hóa, thương mại, dịch vụ khai thác triệt để cả không gian và chiều sâu trong quá trình sử dụng đất như: Xây nhà cao tầng, kết hợp giao thông với hệ thống cấp thoát nước truyền dẫn năng lượng, tuyên thông....

4.3.2. Giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất

- Quản lý, giám sát chặt chẽ các cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo hướng sử dụng có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả.
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.
- Nâng cao hiệu quả cơ chế giám sát, công khai quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán, thanh tra của các cấp.
- Phát huy cơ chế giám sát cộng đồng, cơ chế giám sát độc lập từ khâu chủ trương đến khâu đánh giá kết quả. Kết quả giám sát, đánh giá độc lập này phải được xem là bắt buộc trong quá trình xét duyệt đầu tư công.
- Cương quyết, hạn chế và nhanh chóng chấm dứt việc giao đất đầu tư xây dựng trong khi chưa có các kế hoạch cụ thể để thực hiện đầu tư hạ tầng. Đây là tình trạng dễ dẫn đến việc xây dựng các khu dân cư không hoàn chỉnh, gây ra những tổn hại về môi trường do thiếu công trình cơ sở hạ tầng.

4.4. Các giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Thu hồi đất đối với những dự án đã được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, sử dụng đất trái mục đích được giao, thuê; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng mua bán, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.
- Có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các vùng miền; cải cách hệ thống thuế có liên quan đến đất đai và bất động sản nhằm ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng đất vì mục đích đầu cơ.
- Cơ chế tạo quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Có các giải pháp và chính sách cụ thể bảo đảm quỹ đất cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, trong đó lưu ý đất cho xã hội hóa các lĩnh vực này.
- Thực hiện các chính sách ưu đãi để tạo sức thu hút phát triển các ngành dịch vụ, du lịch; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa,

thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn định đời sống của Nhân dân.

- Tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình nông dân.

4.4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, nhất là trong sản xuất, bảo quản, chế biến các loại nông sản; không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Có các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư đưa các công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất.

- Xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới, làm cơ sở hỗ trợ sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tập trung phát triển theo hướng an toàn, VietGAP.

- Đẩy mạnh phát triển các mô hình ứng dụng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ.

- Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển hệ thống thương mại để đa dạng loại hình phục vụ hướng đến đảm bảo đầu ra ổn định cho các sản phẩm hàng hóa.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất huyện Tân Trụ đến năm 2024 được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá, tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng đất, tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước, tiềm năng đất đai của huyện. Các chỉ tiêu sử dụng đất được tổng hợp từ nhu cầu của các ngành, các lĩnh vực.

Kế hoạch sử dụng đất huyện Tân Trụ năm 2024 đã tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu về đất đai, tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuẩn bị kết cấu hạ tầng và nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các thành phần kinh tế.

Kế hoạch sử dụng đất huyện Tân Trụ năm 2024 có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý đối với công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng đất bền vững.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sử dụng đất đai, UBND huyện Tân Trụ kính đề nghị:

- Đề nghị các cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy hoạch có liên quan để phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- UBND tỉnh và các cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, giám sát tạo mọi điều kiện thuận lợi để phương án được thực hiện.
- UBND tỉnh Long An báo cáo các bộ, ban, ngành trung ương quan tâm đầu tư, bố trí nguồn lực theo kế hoạch để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án theo kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Tân Trụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh Long An xem xét, phê duyệt nội dung phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tân Trụ để UBND huyện có cơ sở thực hiện việc quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện cũng như có cơ sở pháp lý cho việc để giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất./.